



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ



**Tháng 4 - 2011**

# LỄ KÝ BIÊN BẢN HỢP TÁC GIỮA BỘ XÂY DỰNG VÀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN TRUNG QUỐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2011



Toàn cảnh Lễ ký



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân tiếp Tổng Giám đốc ngân hàng phát triển Trung Quốc Tưởng Siêu Lương

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI HAI**

**8**

**SỐ 8 - 4/2011**

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường 5
- Quyết định số 495/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 6
- Quyết định số 579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020 8
- Thông tư số 03/2011/TT - BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng 10

#### **Văn bản của địa phương**

- Quyết định số 04/2011/QĐ - UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 12
- Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp tại khu vực đô thị 13
- Quyết định số 18/2011/QĐ- UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế cho vay đối với hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 14



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

### Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

- Chỉ thị số 07/CT-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý chất lượng công tác khảo sát, thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội 15

### Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:

+ Dự án sự nghiệp kinh tế: "Điều tra khảo sát tình hình phát triển kiến trúc Việt Nam, đề xuất dự thảo đề cương Luật Kiến trúc" 19

+ Dự thảo tiêu chuẩn: "Sơn tường dạng nhũ tương - Sơn lót - yêu cầu kỹ thuật" 21

- Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh 22

- Công nghệ xử lý rác thải MBT-CD08 - mô hình được khuyến khích nhân rộng trên toàn quốc 24

- Đánh giá lại ứng dụng của Bê tông tự đầm (SCC) 25

- Các sản phẩm vật liệu xây dựng mới ứng dụng công nghệ nano tại Hội chợ Triển lãm vật liệu xây dựng Matxcova - OSM 2011 26

- Vấn đề giảm khí thải cacbon và kiến trúc sinh thái 31

### Thông tin

- Bộ Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Trung Quốc ký kết Biên bản hợp tác về nhà ở cho người thu nhập thấp 35

- Báo cáo về thiết kế kỹ thuật nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài 36

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình giai đoạn 2010 - 2030 37

- Kết quả 2 năm thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 39

- Bàn về việc tăng cường công tác quản lý tài chính, tài vụ trong lĩnh vực xây dựng cơ bản ở Trung Quốc 42

- Các nhà ga trung chuyển giao thông ở Nhật Bản 44



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường**

Ngày 18/4/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2011/NĐ-CP quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Đối tượng áp dụng của Nghị định này là tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường trên lãnh thổ Việt Nam.

Nghị định này quy định, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 05 năm trở lên đều phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược dưới hình thức lồng ghép trong báo cáo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoặc có báo cáo riêng. Việc đánh giá môi trường chiến lược phải được thực hiện đồng thời với quá trình lập chiến lược, quy hoạch kế hoạch. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược phải được tích hợp vào văn bản chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Nghị định quy định những nội dung chính của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo hình thức báo cáo riêng, hình thức lồng ghép, hình thức rút gọn. Trong đó, báo cáo chi tiết đánh giá môi trường chiến lược dưới hình thức báo cáo riêng bao gồm: Mô tả tóm tắt chiến lược quy hoạch, kế hoạch; Quá trình tổ chức thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, phạm vi nghiên cứu và các vấn đề chính liên quan đến chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Mô tả diễn biến trong quá khứ và dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Đánh giá sự phù hợp của các quan điểm, mục tiêu của chiến lược, quy hoạch, kế

hoạch với các quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường, đánh giá, so sánh các phương án phát triển của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Đánh giá tác động đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Tham vấn các bên liên quan trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược; Đề xuất điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; Chỉ dẫn nguồn cung cấp số liệu, dữ liệu và phương pháp đánh giá; Kết luận và kiến nghị.

Về trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Nghị định quy định: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trừ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc bí mật an ninh, quốc phòng; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc bí mật an ninh, quốc phòng do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình và của

Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược chi tiết tối đa là 45 ngày làm việc, đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh thì thời hạn tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

Trong phần Phụ lục II của Nghị định quy định các đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nghị định cũng quy định các trường hợp phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, như: Thay đổi địa điểm dự án; Không triển khai thực hiện dự án trong thời gian 36 tháng, kể từ thời điểm ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Thay đổi quy mô, công suất hoặc công nghệ làm gia tăng mức độ tác động xấu đến môi trường hoặc phạm vi chịu tác động do những thay đổi này gây ra.

Trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải tổ chức tham vấn ý kiến của UBND xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức chịu tác động trực tiếp của dự án. Những trường hợp không phải tham vấn ý kiến, theo Nghị định này bao gồm: dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo

cáo đánh giá tác động môi trường giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng với điều kiện dự án đó phù hợp với quy hoạch ngành nghề trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đó; Dự án nằm trên vùng biển chưa xác định được cụ thể trách nhiệm quản lý hành chính của UBND cấp xã; Dự án đầu tư có yếu tố bí mật quốc gia.

Chủ dự án, tổ chức dịch vụ tư vấn phải có đủ các điều kiện về con người, phương tiện kỹ thuật, thiết bị theo quy định tại Nghị định này mới được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải chịu trách nhiệm trước chủ dự án và trước pháp luật về các thông tin, số liệu của mình trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Sau khi được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án có trách nhiệm lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tài trợ sở UBND cấp xã nơi thực hiện việc tham vấn cộng đồng để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2011.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

## **Quyết định số 495/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị đến năm 2025**

Ngày 07/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 495/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

Theo Quyết định này, khu vực quy hoạch có diện tích khoảng 15.804 ha, bao gồm toàn bộ diện tích 02 thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh và 5 xã:

Tân Thành, Tân Long, Tân Lập, Tân Liên, Tân Hợp thuộc huyện Hướng Hóa. Dự báo dân số trong khu vực đến năm 2015 vào khoảng 52.500 người (trong đó dân số đô thị khoảng 26.000 người) và khoảng 75.150 người vào năm 2025 (dân số đô thị 50.450 người).

Khu kinh tế thương mại đặc biệt được xác định là khu vực khuyến khích phát triển kinh tế

thương mại, đầu mối giao thông và cửa khẩu quốc tế quan trọng, có vai trò thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa các nước trên hành lang kinh tế Đông Tây, đồng thời là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Trị với hai đô thị động lực của vùng biên giới phía Tây là Khe Sanh và Lao Bảo. Bên cạnh đó, Khu kinh tế Lao Bảo còn có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng của quốc gia.

Về định hướng phát triển không gian: Khu vực thị trấn Lao Bảo và phụ cận có diện tích tự nhiên khoảng 1.700 ha và quỹ đất xây dựng có thể khai thác đến 500 ha. Đây là đô thị cửa khẩu, phát triển các ngành kinh tế chủ yếu gồm dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu, sản xuất VLXD, gia công cơ khí, được phẩm... Khu vực thị trấn Khe Sanh có diện tích tự nhiên khoảng 1.340 ha và quỹ đất xây dựng có thể khai thác tối đa 700 ha. Đây là trung tâm huyện lỵ của huyện Hướng Hoá với định hướng phát triển các ngành kinh tế chủ yếu là dịch vụ thương mại du lịch, chế biến nông sản, sản xuất VLXD, gia công cơ khí...; Không gian hành lang kết nối dọc quốc lộ 9 hình thành một hệ thống liên hoàn các khu chức năng như các cụm công nghiệp, trung tâm trung chuyển, bảo trì phương tiện giao thông vận tải. Các điểm dân cư nông thôn sẽ được tổ chức theo hướng hiện đại hóa về hạ tầng nhưng vẫn giữ được bản sắc truyền thống. Quỹ đất xây dựng của khu vực này chủ yếu phát triển tại khu vực mở rộng ngã ba Tân Long, các xã Tân Thành, Tân Long, Tân Lập và khu vực làng Vân. Đối với vùng lâm nghiệp và rừng bảo vệ sinh thái, định hướng chủ yếu của không gian này là bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, phát triển nông lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc kết hợp phát triển dịch vụ du lịch sinh thái.

Về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, Theo Quyết định này, sẽ nâng cấp quốc lộ 9 để đạt cấp kỹ thuật là cấp I - II, nắn tuyến cục bộ tại một số điểm, chỉ giới đường sẽ đạt từ 26 đến 34m, xây dựng đường

sắt chạy song song với đường cao tốc, xây dựng mới 01 sân bay trực thăng với quy mô 3 ha tại khu vực cảng cạn gần ga đường sắt...

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt cho dân cư đô thị giai đoạn đầu (đến năm 2015) là 100 lít/người.ngày đêm, dài hạn (đến năm 2025) là 130 lít/người.ngày đêm. Tiêu chuẩn cấp nước cho khu vực dân cư nông thôn được tính cho giai đoạn đầu là 70 lít/người.ngày đêm, dài hạn là 100 lít/người.ngày đêm. Tổng nhu cầu cấp nước là 18.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Về cấp điện: Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực đô thị đợt đầu là 300 W/người, dài hạn là 500 W/người; khu vực nông thôn giai đoạn đầu 150 W/người, dài hạn là 300 W/người.

Quy hoạch đợt đầu - giai đoạn đến năm 2015 có tổng diện tích đất xây dựng đô thị đạt 1.371 ha, trong đó đất ở chiếm khoảng 305 ha.

Các chương trình, dự án ưu tiên bao gồm: Cải tạo và nâng cấp các khu ở hiện có, đạt tỷ lệ tăng cao trung bình 1,5-2,0. Hoàn thiện đơn vị ở phía Đông đường 9 thuộc Lao Bảo quy mô 6.000 dân, phía Nam đường 9 thuộc Khe Sanh quy mô 8.000 dân, hoàn thiện hệ thống công trình công cộng (nâng cấp phòng khám đa khoa Lao Bảo thành bệnh viện đa khoa 200 giường) cùng hệ thống công trình giáo dục, y tế; Hoàn thành xây dựng các công trình khu vực cửa khẩu, phát triển hệ thống hạ tầng giai đoạn đầu

Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã giao UBND tỉnh Quảng Trị công bố Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo đến năm 2025, ban hành Quy chế quản lý quy hoạch đô thị, kiến trúc cho khu vực Khu kinh tế và triển khai lập, xét duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng và điều chỉnh quy hoạch chi tiết các đồ án đã duyệt để phù hợp với đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))**

## **Quyết định số 579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020**

Ngày 19/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 579/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011- 2020.

Theo Quyết định này, mục tiêu tổng quát phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 là đưa nhân lực Việt Nam trở thành nền tảng và lợi thế quan trọng nhất để phát triển bền vững đất nước, hội nhập quốc tế và ổn định xã hội, nâng trình độ năng lực cạnh tranh của nhân lực nước ta lên mức tương đương các nước tiên tiến trong khu vực, trong đó một số mặt tiếp cận trình độ các nước phát triển trên thế giới.

Chiến lược đề ra các mục tiêu cụ thể cần đạt được bao gồm: Nhân lực Việt Nam có thể lực tốt, phát triển toàn diện về trí tuệ, năng lực và đạo đức, có tri thức và kỹ năng nghề nghiệp cao; Nhân lực quản lý hành chính nhà nước chuyên nghiệp; Xây dựng được đội ngũ nhân lực KH&CN, đặc biệt là nhóm chuyên gia đầu ngành có trình độ chuyên môn - kỹ thuật tương đương các nước tiên tiến trong khu vực; Xây dựng được đội ngũ doanh nhân, chuyên gia quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp; Xây dựng nhân lực Việt Nam có cơ cấu trình độ, ngành nghề và vùng miền hợp lý; Xây dựng xã hội học tập; Xây dựng được hệ thống các cơ sở đào tạo nhân lực tiên tiến, hiện đại...

Chiến lược cũng đưa ra các chỉ tiêu cụ thể, phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo của Việt Nam đạt 70%, qua đào tạo nghề đạt 55%, số sinh viên đại học - cao đẳng đạt 400 sinh viên/10.000 dân, có trên 10 trường dạy nghề đạt đẳng cấp quốc tế và trên 4 trường đại học xuất sắc trình độ quốc tế. Nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực đến năm 2020 có 20.000 người quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và luật quốc tế; 160.000 giảng viên

đại học và cao đẳng; trong lĩnh vực KHCN: 100.000 người; Y tế, chăm sóc sức khỏe: 80.000 người; Tài chính - ngân hàng: 120.000 người; Công nghệ thông tin: 550.000 người. Tuổi thọ trung bình năm 2020 là 75 tuổi, chiều cao trung bình thanh niên từ 1,65m trở lên; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi dưới 5%.

Chiến lược đề ra những giải pháp đột phá, bao gồm:

- Đổi mới nhận thức về phát triển và sử dụng nhân lực:

+ Quán triệt quan điểm con người là nền tảng, là yếu tố quyết định nhất trong phát triển bền vững kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước và sự hưng thịnh của mỗi đơn vị, tổ chức. Tạo sự chuyển biến mạnh về nhân lực ở tất cả các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến cơ sở và người dân về việc cần phải đổi mới triệt để và có tính cách mạng trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập; về sự cần thiết phải cải thiện giống nòi, đảm bảo dinh dưỡng và chăm sóc toàn diện sức khỏe nhân dân; về sự cần thiết phải nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc;

+ Mỗi Bộ ngành và địa phương phải xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực đồng bộ với chiến lược, kế hoạch phát triển chung của mình. Các doanh nghiệp và tổ chức phải có kế hoạch phát triển nhân lực.

+ Việc sử dụng, đánh giá và đãi ngộ nhân lực phải dựa vào năng lực thực và kết quả, hiệu quả công việc. Khắc phục tâm lý và hiện tượng quá coi trọng và đề cao "Bằng cấp" một cách hình thức trong tuyển dụng và đánh giá nhân lực

+ Đào tạo nhân lực phải gắn với nhu cầu xã hội, nhu cầu của thị trường lao động. Cùng với quy hoạch phát triển nhân lực của các Bộ



ngành, địa phương, sự đầu tư và chính sách khuyến khích của Nhà nước, cần sử dụng rộng rãi, hiệu quả các cơ chế và công cụ của kinh tế thị trường để mở rộng quy mô, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực và huy động các nguồn vốn cho phát triển đào tạo nhân lực.

- Đổi mới căn bản quản lý nhà về phát triển và sử dụng nhân lực:

+ Quy hoạch phát triển nhân lực là nhiệm vụ quan trọng của các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố nhằm đảm bảo cân đối về lao động cho sự phát triển của các ngành và địa phương. Đối với cấp quốc gia và các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực xây dựng và giám sát triển khai quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia và địa phương. Đối với các ngành, các Bộ là cơ quan xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực của ngành và phối hợp với các Bộ ngành, địa phương triển khai quy hoạch.

+ Đổi mới căn bản cơ chế quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo theo hướng: hoàn chỉnh các quy định quản lý nhà nước về điều kiện thành lập và chuẩn mực chung về hoạt động của các cơ sở giáo dục; về đánh giá chất lượng các cơ sở giáo dục; về nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Chính phủ, các Bộ và UBND các địa phương; xây dựng chính sách phát triển giáo dục và đào tạo ở các vùng khó khăn, cho con em người dân tộc, khuyến khích phát triển nhân tài...

+ Xây dựng bộ tiêu chí về phát triển nhân lực và sáng tạo của các địa phương và cấp quốc gia. Đánh giá và công bố hàng năm sự phát triển nhân lực theo bộ tiêu chí này.

+ Đẩy mạnh phân cấp, thực hiện quyền tự chủ, nghĩa vụ tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo nhân lực trên cơ sở quản lý của nhà nước và giám sát của xã hội. Thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh nhằm chuyển mạnh hệ thống đào tạo sang hoạt động theo cơ chế đào tạo

đáp ứng nhu cầu của xã hội, tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Xây dựng những quy chế, cơ chế, chính sách đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn kết các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, mở rộng các hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nhân lực (đóng góp kinh phí đào tạo, tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo của doanh nghiệp ...). Thể chế hóa trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc phát triển nhân lực quốc gia.

- Tập trung xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm:

+ Xây dựng một số cơ sở đào tạo bậc đại học và dạy nghề đạt trình độ quốc tế để cung cấp nhân lực trình độ cao cho hệ thống giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

+ Đổi mới đào tạo và chính sách sử dụng cán bộ, công chức gồm: áp dụng các chương trình đào tạo công chức hành chính tiên tiến, hiện đại theo những tiêu chí, chuẩn mực quản trị hành chính của nhà nước pháp quyền XHCN; xây dựng hệ thống chức danh cán bộ, công chức với quy định rõ ràng, cụ thể về quyền hạn, chức năng và nhiệm vụ gắn với trách nhiệm, quyền lợi và tăng cường đạo đức công vụ, kỷ cương, kỷ luật công tác; thực hiện khoán quỹ lương và cải cách chế độ tiền lương đối với đơn vị hành chính công, đảm bảo cán bộ, công chức đủ sống bằng lương và từng bước có tích lũy; tổ chức thi vào các chức vụ lãnh đạo từ trung cấp trở xuống.

+ Xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo và chính sách trọng dụng nhân tài trong các lĩnh vực.

+ Thực hiện đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.

+ Triển khai quyết liệt đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành một nước mạnh về công nghệ

thông tin - truyền thông, trong đó phát triển và đảm bảo nhân lực là giải pháp hàng đầu.

+Giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em., trong đó tập trung vào dự án dinh dưỡng học đường kết hợp tăng cường giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục - thể thao trong trường học. Triển khai Chương trình tổng thể nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2025.

Về các nguồn lực cho đầu tư phát triển nhân lực đến năm 2020, Nhà nước đảm bảo tỷ trọng chi cho giáo dục, đào tạo ở mức 20% tổng chi ngân sách nhà nước; duy trì tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp y tế, chăm

sóc sức khỏe nhân dân hàng năm cao hơn tốc độ tăng chi chung của tổng ngân sách nhà nước; Tiếp tục phát hành trái phiếu Chính phủ để từ hiện các chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho các ngành giáo dục, y tế; Tăng quy mô Quỹ tín dụng cho học sinh sinh viên; Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển nhân lực, nhất là trong đào tạo để đẩy nhanh phát triển đào tạo theo nhu cầu của xã hội; tăng cường thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

## **Thông tư số 03/2011/TT - BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng**

Ngày 06/4/2011, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2011/TT - BXD hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tư này quy định các trường hợp phải thực hiện việc kiểm định: Khi công trình xảy ra sự cố hoặc có khiếm khuyết về chất lượng; Khi có tranh chấp về chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định định kỳ công trình xây dựng trong quá trình sử dụng; Cải tạo, nâng cấp hoặc kéo dài tuổi thọ công trình xây dựng; Phúc tra chất lượng công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Các trường hợp thực hiện việc giám định: Khi có quyết định trưng cầu của cơ quan tố tụng hoặc người tiến hành tố tụng (giám định tư pháp

xây dựng); Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác theo quy định của pháp luật (gọi chung là cơ quan quản lý nhà nước).

Theo Thông tư này, bắt buộc thực hiện kiểm tra, chứng nhận an toàn chịu lực trước khi đưa vào sử dụng đối với các hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa, bao gồm: Nhà chung cư từ cấp II trở lên; nhà ở riêng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Công trình công cộng (bao gồm: Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông có quy mô từ 4 tầng trở lên hoặc có tổng diện tích sàn cho một hạng mục công trình từ 500m<sup>2</sup> trở lên; Trạm y tế, nhà hộ sinh, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão, phòng chống dịch bệnh và các cơ sở y tế khác có quy mô từ 4 tầng trở lên hoặc có tổng diện tích sàn cho một hạng mục công trình từ 500m<sup>2</sup> trở lên; Trường đại học và cao đẳng, trường trung học chuyên

ngiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ và các loại trường khác từ cấp II trở lên; Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa từ trung ương đến địa phương, các phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa khu vực từ cấp II trở lên; Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc từ cấp II trở lên; Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát từ cấp II trở lên; Sân vận động, nhà thi đấu, tập luyện từ cấp II trở lên; Trụ sở cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức khác từ cấp II trở lên; Các nhà ga hàng không, đường thủy, đường sắt, bến xe ô tô từ cấp II trở lên; Nhà bưu điện từ cấp II trở lên; Nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, nhà khách, nhà nghỉ từ cấp II trở lên; Công trình vui chơi, giải trí từ cấp II trở lên; Nhà bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày và các công trình khác có chức năng tương tự từ cấp I trở lên; Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình nằm trong khu dân cư từ cấp I trở lên.); Công trình công nghiệp dầu khí từ cấp II trở lên (gồm: Giàn khoan thăm dò, khai thác trên biển; Nhà máy lọc hóa dầu; Nhà máy chế biến khí; Kho xăng dầu; Kho chứa khí hóa lỏng; Tuyến ống dẫn khí, dầu.); Đập thủy lợi, thủy điện, hồ chứa từ cấp II trở lên; Công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Đường sắt cao tốc, đường sắt trên cao; Ga ra ô tô và xe máy từ cấp II trở lên; Công trình tàu điện ngầm; Cầu đường bộ, cầu đường sắt từ cấp I trở lên; Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ từ cấp I trở lên; Hệ thống cáp treo vận chuyển người.) và các công trình khác theo quy định của pháp luật.

Chúng nhận chất lượng phù hợp: Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng xuất phát từ lợi ích cộng đồng; Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng công trình hoặc các tổ chức, cá nhân khác có liên quan xuất phát từ lợi ích của mình (lợi ích của các cá nhân mua, thuê, sở hữu hoặc các tổ

chức bán bảo hiểm cho công trình ...); Chúng nhận chất lượng phù hợp có thể gồm một, một số hoặc toàn bộ các yêu cầu về an toàn chịu lực, an toàn sử dụng, khai thác, vận hành và các nội dung cần thiết khác đối với các công trình, hạng mục công trình.

Đối với các công trình được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tổ chức kiểm tra hoặc nghiệm thu thì không phải chứng nhận an toàn chịu lực, chứng nhận chất lượng phù hợp trừ trường hợp có yêu cầu riêng.

Theo Thông tư này quy định các yêu cầu về năng lực của tổ chức kiểm định, theo đó tổ chức kiểm định phải được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực kiểm định, có hệ thống quản lý chất lượng, có đủ nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phép thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ kiểm định. Cụ thể tổ chức kiểm định phải có ít nhất 03 cá nhân có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với công tác kiểm định, có nghiệp vụ về kiểm định và có hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Người chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm định phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và có năng lực chủ trì một trong các lĩnh vực thiết kế, giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và nội dung kiểm định được giao; Có phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành được công nhận theo quy định và có đủ khả năng thực hiện các phép thử phục vụ công tác kiểm định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2011 và thay thế Thông tư số 16/2008/TT-BXD; Điều 5, Điều 6 Thông tư số 22/2009/TT-BXD; điểm b khoản 2 Điều 4 và Điều 8 Thông tư số 35/2009/TT-BXD. Các công trình đang được thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư 16/2008/TT-BXD vẫn tiếp tục được thực hiện theo Thông tư số 16/2008/TT-BXD.

**(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))**

**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Quyết định số 04/2011/QĐ - UBND của UBND tỉnh  
Đồng Tháp ban hành Quy chế phối hợp cung cấp  
thông tin trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác  
gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Ngày 14/3/2011, UBND tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Quy chế này quy định trách nhiệm trong việc phối hợp cung cấp thông tin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) giữa cơ quan tài nguyên và môi trường với cơ quan quản lý nhà ở, công trình xây dựng, cơ quan quản lý nông nghiệp, các cơ quan khác có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện), UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã).

Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm: Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; cơ quan quản lý về nhà ở, công trình xây dựng; cơ quan quản lý nông nghiệp; các cơ quan khác có liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Theo Quy chế này, những thủ tục cần phối hợp cung cấp thông tin trong việc cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân

cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam: Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất; Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; Cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

- Cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán.

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, gồm: Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất; Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

- Chuyển nhượng, thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.

- Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận mà có nhu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc người sử dụng đất đã

được cấp Giấy chứng nhận theo Nghị định số 88/2009/NĐ-CP mà có yêu cầu bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận.

Theo Quy chế này, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác định đủ điều kiện hay không đủ điều kiện chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, trong trường hợp cần xác minh thêm thông tin về điều kiện chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất gửi phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý về nhà ở, công trình xây dựng, cơ quan quản lý nông nghiệp; Việc phối hợp và cung cấp thông tin phải đầy đủ, kịp thời, chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến thông tin; đồng thời đảm bảo mọi hoạt động quản lý nhà nước của các sở, ngành, cơ quan khác có liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã được thống nhất, đúng chức năng, nhiệm vụ và những quy định của pháp luật; Thực hiện về thủ

tục và trình tự giải quyết công việc theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường; thời gian tham gia phối hợp cung cấp thông tin giữa cơ quan tài nguyên và môi trường với các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ, Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009, Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định hiện hành; thực hiện cải cách hành chính bảo đảm đơn giản, nhanh, thuận tiện, công khai, minh bạch.

Quy chế này cũng quy định cụ thể nội dung trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin trong việc cấp Giấy chứng nhận của các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, cấp xã.

(xem toàn văn tại: [www.dongthap.gov.vn](http://www.dongthap.gov.vn))

## **Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp tại khu vực đô thị**

Ngày 10/3/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ban hành tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

Theo Quyết định này, các đối tượng ưu tiên được chấm 10 điểm bao gồm: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên; 9 điểm đối với giáo sư, phó giáo sư, nghệ sĩ nhân dân, nghệ nhân, tiến sĩ, nghệ sĩ ưu tú, vận

động viên đạt huy chương vàng trong các giải thi đấu quốc gia, quốc tế; 8 điểm đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80%; 7 điểm đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60%; thân nhân của liệt sĩ có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng;



người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước", người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị bắt tù đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ

quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng Huân chương Kháng chiến hạng I hoặc Huân chương Chiến thắng hạng I.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/3/2011.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

**Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế cho vay đối với hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 28/3/2011, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế cho vay đối với hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này áp dụng cho Quý Phát triển nhà ở thành phố, các hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, là chủ sở hữu nhà (hoặc đất) thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có nhu cầu và điều kiện để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê.

Theo Quy chế này, người vay tiền xây dựng/sửa chữa nhà trọ khi có nhu cầu vay tiền tại Quý Phát triển nhà ở thành phố phải có đủ các điều kiện: Công trình nhà trọ cho công nhân thuê để ở phải thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu công trình (tài sản) dự kiến xây mới, sửa chữa thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của khu đất, công trình đầu tư; có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhà trọ cho công nhân, người lao động thuê để ở, còn hiệu lực (đối với trường hợp sửa

chữa nhà trọ); có giấy phép xây dựng xây dựng mới hoặc sửa chữa công trình nhà trọ, nhà lưu trú công nhân; có thiết kế dự toán kinh phí xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà trọ công nhân phù hợp với quy định hoặc hợp đồng thi công với các đơn vị có chức năng thực hiện; Hộ gia đình, cá nhân có vốn tự có tối thiểu 30% chi phí xây dựng công trình (xây dựng hoặc sửa chữa nhà trọ công nhân); Hộ gia đình, cá nhân vay vốn phải có nguồn thu nhập tài chính và chứng minh nguồn thu nhập để hoàn vốn + lãi vay (Phương án kinh doanh cho thuê nhà của hộ gia đình, cá nhân); Tuân thủ các quy định theo Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND của UBND thành phố ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê để ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Quy chế này quy định thời gian cho vay căn cứ vào kết quả thẩm định của Quý Phát triển nhà ở về khả năng tài chính để hoàn trả nợ vay, lãi vay của đối tượng vay vốn. Đối với cho vay để sửa chữa, nâng cấp nhà trọ công nhân: thời gian cho vay tối đa 05 năm; Đối với cho vay để xây mới nhà trọ công nhân: thời gian cho vay tối đa 07 năm.

Về hạn mức cho vay: Đối với cho vay để sửa

chữa, nâng cấp nhà trọ công nhân: tối đa 70% giá trị hợp đồng thi công giữa chủ đầu tư với đơn vị thi công có tư cách pháp nhân, nhưng không quá 1,5 tỷ đồng; Đối với cho vay để xây mới nhà trọ công nhân: tối đa 70% giá trị hợp đồng thi công giữa chủ đầu tư với đơn vị thi công có tư cách pháp nhân, nhưng không quá 2,5 tỷ đồng.

Về nguyên tắc giải ngân, tài sản thế chấp và kiểm tra tình hình sử dụng vốn: Sau khi hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định, Quỹ Phát triển nhà ở tiến hành giải ngân cho các hộ gia đình, cá nhân theo tiến độ thi công công trình; Tiến độ thi công xác định căn cứ theo biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng thực hiện giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

Về tài sản thế chấp: đối với trường hợp sửa chữa: thế chấp bằng chính quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đang xin sửa chữa, nâng cấp mà hộ gia đình, cá nhân vay vốn là chủ sở hữu tài sản thế chấp đó; đối với trường hợp xây dựng mới: thế chấp bằng chính quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất (sau khi công trình hoàn thành) đang xin xây mới mà hộ gia đình, cá nhân vay vốn là chủ sở hữu tài sản thế chấp đó; thế chấp bằng bất động sản khác có giá trị bảo đảm khoản vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [hochiminhcity.gov.vn](http://hochiminhcity.gov.vn))

## **Chỉ thị số 07/CT-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý chất lượng công tác khảo sát, thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Ngày 08/4/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND về việc tăng cường quản lý chất lượng công tác khảo sát, thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chỉ thị nêu rõ, trong những năm gần đây, đặc biệt là từ khi thực hiện Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn, công tác quản lý chất lượng khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng công trình và từng bước nâng cao hiệu quả đầu tư các dự án. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn nhiều công trình xây dựng khi thi công còn phải dừng lại chờ xử lý, thay đổi giải pháp thiết kế, hoặc thiết kế chưa phù hợp với thực tế gây lãng phí trong công tác đầu tư, khi đưa công trình vào khai thác thì hiệu quả sử dụng không cao, xuống cấp nhanh, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình khai thác, sử dụng.

Nguyên nhân của tình trạng trên, trước hết là do nhận thức về trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng công tác khảo sát, thiết kế xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng, gồm chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án, các nhà thầu tư vấn xây dựng cũng như một số cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng còn chưa đầy đủ. Công tác khảo sát chưa thực hiện đúng quy trình khảo sát, số liệu khảo sát chưa phù hợp, chưa đủ số liệu phục vụ cho công tác thiết kế. Công tác thiết kế chưa thực hiện các quy định về kiểm tra các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, lập và phê duyệt nhiệm vụ phục vụ cho công tác thiết kế; thiết kế không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt; việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn không đồng bộ, còn nhiều hạn chế và bất cập, hoặc chưa áp dụng hoặc áp dụng không đầy đủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và

Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đặc biệt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, Quy chuẩn về an toàn sinh mạng và sức khỏe, Quy chuẩn về môi trường, Quy chuẩn về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả... Việc xử lý các trường hợp vi phạm về chất lượng khảo sát, thiết kế chưa nghiêm minh, chưa kịp thời làm ảnh hưởng chất lượng công trình xây dựng, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Để khắc phục tình trạng trên, từng bước nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu:

- Sở Xây dựng - cơ quan giúp UBND Thành phố thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm:

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch mở các lớp tập huấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác khảo sát, thiết kế cho các cán bộ, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố. Xây dựng và hướng dẫn quy trình quản lý chất lượng khảo sát, thiết kế (kèm theo các biểu mẫu) cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân tư vấn xây dựng có liên quan tham khảo, áp dụng.

+ Tổ chức xây dựng, hướng dẫn quy trình quản lý, nội dung kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi hoạt động vượt quá điều kiện năng lực hành nghề, hoạt động sai chúng chỉ hành nghề, hoạt động không có chứng chỉ hành nghề theo quy định của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ (về lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị), Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ (về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), Nghị định 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ (về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng) và các văn bản hướng dẫn. Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ đối với các

chủ thể hoạt động khảo sát, thiết kế công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố; kế hoạch kiểm tra các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đảm bảo phù hợp với các quy định của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và hệ thống tiêu chuẩn áp dụng nhằm ngăn ngừa tai nạn, hạn chế các rủi ro cho người sử dụng công trình.

+ Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức việc kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm trong công tác quản lý chất lượng khảo sát, thiết kế của các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/2/2009 của Chính phủ (về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng) và các văn bản hướng dẫn.

+ Thường xuyên rà soát, lập danh sách các Công ty tư vấn xây dựng có năng lực và uy tín trong công tác khảo sát, thiết kế để cập nhật định kỳ (6 tháng, 01 năm), thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng Hà Nội để các chủ đầu tư có cơ sở chọn lựa tư vấn khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình xây dựng phù hợp yêu cầu.

+ Chỉ đạo Chánh thanh tra Sở Xây dựng lập kế hoạch thanh tra chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố, trong đó có nội dung thanh tra và xử lý các vi phạm trong công tác quản lý chất lượng khảo sát, thiết kế.

- Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Sở Giao thông Vận tải; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có trách nhiệm:

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch mở các lớp tập huấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình chuyên ngành; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác khảo sát, thiết kế cho các cán bộ, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động xây dựng các công trình chuyên ngành trên địa bàn.

+ Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc đột

xuất về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn Thành phố về Sở Xây dựng, để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố và Bộ Xây dựng.

- UBND các quận, huyện, thị xã, Ban Quản lý khu công nghiệp – khu chế xuất, có trách nhiệm tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong công tác khảo sát, thiết kế cho các cán bộ, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động xây dựng trên địa bàn. Nâng cao hiệu quả giám sát cộng đồng đối với chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

- Chủ đầu tư (hoặc Ban Quản lý dự án được ủy quyền) đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng công trình trong việc khảo sát, thiết kế xây dựng; lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế có tư cách pháp nhân, đủ năng lực chuyên môn và có kinh nghiệm phù hợp theo quy định. Khi thẩm định, phê duyệt hoặc nghiệm thu các sản phẩm khảo sát, thiết kế phải xem xét về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện công tác khảo sát, thiết kế.

- Tổ chức lập và phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, nhiệm vụ thiết kế. Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng khảo sát, thiết kế xây dựng. Trường hợp không đủ điều kiện năng lực để tự thực hiện công tác giám sát khảo sát xây dựng, phải thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện công tác này, phù hợp với quy định pháp luật.

- Khuyến khích việc sử dụng các chuyên gia, các đơn vị tư vấn có trình độ cao trong nước, (nếu cần thiết, có thể sử dụng các chuyên gia, các đơn vị tư vấn có trình độ cao ngoài nước) để thực hiện các công tác khảo sát, thiết kế công trình xây dựng; ứng dụng công nghệ có tính chất độc quyền bí quyết riêng, bản quyền sở hữu trí tuệ nhằm mục đích mang lại hiệu quả kinh tế, kỹ thuật cho dự án.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình

sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, khi thực hiện những nội dung trên, tùy theo tính chất, nội dung dự án chủ đầu tư báo cáo Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành xem xét, trình UBND Thành phố cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu.

- Các tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố, có trách nhiệm:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp phát hiện nhiệm vụ khảo sát chưa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và quy định hiện hành, phải thông báo đến chủ đầu tư để có sự điều chỉnh kịp thời.

+ Chỉ giao việc chủ trì khảo sát, thiết kế cho cá nhân của tổ chức mình nếu người đó có chứng chỉ hành nghề và năng lực hành nghề phù hợp theo quy định của pháp luật. Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng, tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm của từng bộ môn cụ thể đáp ứng các yêu cầu quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, đảm bảo chất lượng, phù hợp nhiệm vụ, các nội dung hợp đồng đã ký với chủ đầu tư trước khi bàn giao cho chủ đầu tư.

+ Nghiên cứu áp dụng hệ thống Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành để đảm bảo chất lượng toàn diện về kỹ thuật, mỹ quan công trình và hiệu quả sử dụng, đặc biệt cho người khiếm thị, người khuyết tật, tiếp cận sử dụng thuận tiện, an toàn sinh mạng, môi trường và sức khỏe cộng đồng. Việc áp dụng Tiêu chuẩn và quy trình, quy phạm kỹ thuật thiết kế xây dựng phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BXD ngày 15/10/2010 của Bộ Xây dựng (Quy định việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng).

+ Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

+ Trường hợp nhà thầu khảo sát, tư vấn thiết kế thực hiện không đảm bảo yêu cầu theo hợp

đồng; hoặc không đúng nhiệm vụ khảo sát, thiết kế đã được phê duyệt; phát sinh khối lượng thi công do khảo sát, thiết kế sai; sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn tiêu chuẩn về khảo sát, thiết kế, xây dựng không phù hợp và các hành vi vi phạm khác gây ra thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật.

+ Gửi hồ sơ năng lực kèm theo văn bản tự xác định hạng tổ chức tư vấn của mình về Sở Xây dựng theo định kỳ (trước ngày 15/11) hàng năm để Sở Xây dựng xem xét và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng Hà Nội, giúp các Chủ đầu tư có cơ sở lựa chọn đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế cho phù hợp.

+ Nghiêm cấm việc mượn, thuê, cho mượn, cho thuê chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng dưới mọi hình thức.

- Đối với các cơ quan khác có liên quan đến quản lý chất lượng công trình xây dựng, các chủ thể hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố:

+ Cơ quan cấp trên của chủ quản lý, chủ sử dụng công trình có trách nhiệm: Kiên quyết không đưa vào sử dụng các công trình không được khảo sát, thiết kế hoặc khảo sát thiết kế không phù hợp với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng; Tổng hợp, báo cáo định

kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình đang sử dụng thuộc phạm vi quản lý; Kịp thời báo cáo Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành các công trình không đảm bảo an toàn trong việc vận hành, khai thác, sử dụng.

+ Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Quỹ đầu tư phát triển Thành phố có trách nhiệm: Chi chấp nhận thanh toán các hồ sơ khảo sát, thiết kế, giám sát, thẩm tra và thi công xây dựng khi có đủ hồ sơ quản lý chất lượng theo quy định; chi quyết toán vốn khi hồ sơ thanh toán có biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Quyết định số 122/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND Thành phố Hà Nội (về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội).

+ Thanh tra Thành phố, Thanh tra xây dựng các cấp: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, theo dõi xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định tại Chỉ thị này, Nghị định 37/2010/NĐ-CP, Nghị định 12/2009/NĐ-CP, Nghị định 23/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

**(Xem toàn văn tại: [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))**



**Nghiệm thu đề tài:**

## **Dự án sự nghiệp kinh tế: “Điều tra khảo sát tình hình phát triển kiến trúc Việt Nam, đề xuất dự thảo đề cương Luật Kiến trúc”**

Ngày 15/4/2011 tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì cuộc họp nghiệm thu dự án sự nghiệp kinh tế: “Điều tra khảo sát tình hình phát triển kiến trúc Việt Nam, đề xuất dự thảo đề cương Luật Kiến trúc”. Chủ nhiệm Dự án là TS. KTS Lê Đình Tri - Phó Vụ trưởng Vụ Kiến trúc - Quy hoạch Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo thuyết minh dự án, trong những năm qua, đặc biệt là trong thời kỳ Đổi mới, lĩnh vực kiến trúc nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong lĩnh vực quản lý và phát triển kiến trúc đã và đang xuất hiện những hiện tượng nhức nhối, đáng lo ngại có thể dẫn đến nguy cơ làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bền vững của các đô thị, khu dân cư nông thôn và bản sắc dân tộc trong kiến trúc. Trật tự kiến trúc vẫn chưa được thiết lập. Kiến trúc phát triển khá phong phú, đa dạng, nhưng lại thiếu sự thống nhất và nhìn chung chưa có bản sắc.

Tình hình trên đòi hỏi phải có một văn bản luật về kiến trúc, nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCHTW Đảng khoá VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và Nghị quyết BCHTW Đảng khoá IX, từng bước khắc phục những tồn tại, yếu kém để phát triển kiến trúc Việt Nam tương xứng với thời kỳ CNH, HĐH, tiến tới xây dựng nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc dân tộc trong thế kỷ 21.

Luật Kiến trúc sẽ là một văn bản pháp luật quy định chức năng, định chế, phương hướng,



*Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng*

nhiệm vụ phát triển kiến trúc cả nước, tạo lập cơ sở cho các Bộ, ngành, chính quyền các cấp, soạn thảo văn bản dưới luật, các chương trình hành động, hoạch định các chính sách phát triển và quản lý kiến trúc, phù hợp với đặc điểm của thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Vì vậy, việc nghiên cứu, điều tra, khảo sát tình hình phát triển kiến trúc nước ta, tham khảo kinh nghiệm các nước để xây dựng Đề cương dự thảo Luật Kiến trúc là thực sự cần thiết.

Để phục vụ cho việc soạn thảo và ban hành Luật, Bộ Xây dựng đã giao Vụ Kiến trúc, quy hoạch thực hiện dự án sự nghiệp kinh tế nhằm dự thảo đề cương Luật.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, nhóm đề tài đã tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá sự phát triển của kiến trúc nước ta, việc ban hành các văn bản quản lý, pháp lý trong lĩnh vực kiến trúc của Việt Nam hiện nay; tham khảo Luật Kiến trúc Pháp, Luật tổ chức Hội Kiến trúc sư Pháp; trên cơ sở các kết quả đạt được đã đề xuất đề cương dự thảo Luật Kiến trúc.

Theo báo cáo dự án, cùng với những thành tích đạt được trong công cuộc đổi mới, đưa

nước ta cơ bản thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội để bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, kiến trúc nước ta đã có bước phát triển đáng kể ở cả khu vực đô thị, nông thôn và các lĩnh vực kiến trúc công trình. Về quản lý kiến trúc, công tác quy hoạch xây dựng là cơ sở để quản lý phát triển các đô thị, khu dân cư nông thôn, tạo lập môi trường sống thích hợp cho dân cư và là tiền đề hình thành phát triển kiến trúc, cảnh quan. Do vị trí và tầm quan trọng của quy hoạch xây dựng trong những năm qua, công tác này đã được nhà nước quan tâm đầu tư, chỉ đạo đạt kết quả tốt.

Nhìn chung, những thành tích đạt được trong lĩnh vực phát triển và quản lý kiến trúc trong thời gian qua trước hết là do đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã tạo tiền đề thu hút nhân tài, vật lực vào sự nghiệp phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, trong đó có sự tham gia tích cực của nhân dân vào quá trình sáng tác, kiểm soát phát triển, tạo lập môi trường sống và sự cố gắng lớn lao của giới KTS, đã đóng góp cho nước nhà những tác phẩm kiến trúc có giá trị.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác phát triển và quản lý kiến trúc trong thời gian qua còn bộc lộ nhiều tồn tại và yếu kém. Kiến trúc phát triển còn thiếu trật tự, đa dạng nhưng không thống nhất và chưa có bản sắc riêng. Trong thiết kế sáng tác kiến trúc chưa tương xứng với yêu cầu của thời kỳ đổi mới. Việc bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hoá lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và các công trình kiến trúc có giá trị còn nhiều bất cập. Công tác quản lý kiến trúc còn chưa bắt kịp với sự phát triển của kiến trúc đô thị và nông thôn, chưa làm chủ được tình hình và chưa phù hợp với yêu cầu phát triển của kiến trúc. Lĩnh vực lý luận phê bình sáng tác kiến trúc cũng còn những tồn tại như: Tình trạng kém lý luận và thiếu thông tin làm ảnh hưởng đến chất lượng sáng tác; chưa khai thác được hệ thống tiêu chuẩn ISO, quy chuẩn và tiêu chuẩn của các nước phát

triển để phục vụ công tác xuất khẩu thiết kế, thi công ra các nước và khu vực; việc thu thập và trao đổi thông tin với các nước còn hạn chế; chất lượng đào tạo chưa cao; tổ chức hành nghề kiến trúc còn lộn xộn,...

Để phục vụ cho việc xây dựng đề cương Luật Kiến trúc, nhóm dự án đã nghiên cứu 15 chủ thể và đối tượng cần điều chỉnh liên quan trong dự thảo Luật, bao gồm: Công trình kiến trúc; KTS; hành nghề KTS; thi tuyển kiến trúc; đào tạo KTS; giải thưởng kiến trúc; quyền tác giả, tác phẩm kiến trúc; phản biện xã hội về kiến trúc; Hội đồng kiến trúc; hội KTS; kiến trúc đô thị, nông thôn; bảo tồn di sản kiến trúc; quản lý kiến trúc đô thị; kiến trúc sư trưởng thành phố; quan hệ quốc tế và hội nhập trong kiến trúc;

Nhóm dự án đã xây dựng đề cương dự thảo Luật Kiến trúc gồm 3 chương với 67 điều được chia ra 13 mục.

Các báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên của Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả của dự án đáp ứng được các yêu cầu đặt ra đối với dự án sự nghiệp kinh tế; nội dung đầy đủ, phù hợp mục tiêu của dự án; đây là một nghiên cứu công phu, nghiêm túc và khoa học; tuy nhiên vì Luật Kiến trúc là một văn bản pháp luật có ý nghĩa quan trọng, việc soạn thảo đòi hỏi phải đáp ứng được những yêu cầu đặc thù nên dự án không tránh khỏi những thiếu sót mà đã được các ý kiến pháp biểu góp ý đề cập khá cụ thể và chi tiết nhằm giúp nhóm dự án tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã đề nghị nhóm thực hiện dự án tiếp thu các ý kiến của các thành viên Hội đồng để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo kết quả dự án. Hội đồng đã thống nhất nghiệm thu các kết quả của dự án và đánh giá dự án đạt loại Xuất sắc.

**Huỳnh Phước**

## Dự thảo tiêu chuẩn: "Sơn tường dạng nhũ tương - Sơn lót - yêu cầu kỹ thuật"

Ngày 21/4/2011 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn "Sơn tường dạng nhũ tương - Sơn lót - yêu cầu kỹ thuật", mã số TC-11-10, do cử nhân Lê Thị Song Hà - Viện VLXD Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Theo báo cáo của đề tài, việc biên soạn tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật của sơn lót là rất cần thiết, vì trong thực tế hiện nay, việc sử dụng sơn lót khi sơn tường là rất phổ biến, các sản phẩm sơn lót cũng rất đa dạng, trong khi hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam chưa có tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật đối với sơn lót.

Hiện nay ở nước ta có khoảng 130 công ty sản xuất sơn, cung cấp cho thị trường hàng trăm loại sơn phục vụ công tác hoàn thiện các công trình xây dựng. Trong thi công sơn hoàn thiện công trình, tất cả các loại sơn có trên thị trường đều được hướng dẫn sử dụng sơn nhiều lớp, trong đó có lớp sơn lót - lớp sơn đầu tiên tiếp xúc trực tiếp với nền. Chất lượng của toàn bộ màng sơn phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng lớp sơn lót vì sơn lót có tác dụng tạo độ bám dính cho bề mặt sử dụng và lớp sơn phủ, bảo vệ lớp sơn phủ không bị hư hỏng do các yếu tố từ bên trong như kiềm, tránh cho lớp sơn phủ không bị đổi màu do kiềm hóa, bị ố vàng, bong tróc. Để đảm bảo chức năng liên kết với nền và chịu được tác dụng của kiềm, vật liệu sơn lót phải có tính bền kiềm.

Việc biên soạn tiêu chuẩn quốc gia về sơn lót nhằm mục đích tạo lập cơ sở pháp lý để đánh giá chất lượng sản phẩm, tạo sự đồng bộ trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam và hòa nhập với sự phát triển trong khu vực và quốc tế.

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu tiêu chuẩn cơ sở của các nhà sản xuất sơn lót, tham khảo tiêu chuẩn Trung Quốc và Nhật Bản, dựa trên



*Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu*

các kết quả nghiên cứu thử nghiệm tại phòng thí nghiệm của Viện Vật liệu xây dựng, nhóm đề tài đã hoàn thành bản Dự thảo tiêu chuẩn gồm 4 phần: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Yêu cầu kỹ thuật; Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản.

Dự thảo tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật cho sơn lót dạng nhũ tương, dùng để sơn lót trước khi sơn phủ trang trí, bảo vệ tường trong và tường ngoài các công trình xây dựng. Tiêu chuẩn này áp dụng cho sơn lót sử dụng trong xây dựng, sơn trên nền vữa xi măng và bê tông, các loại vật liệu gốc xi măng nói chung, không áp dụng cho các loại sơn lót trên bề mặt kim loại.

Theo các báo cáo phản biện và ý kiến các thành viên của Hội đồng, 10 chỉ tiêu kỹ thuật của sơn lót được quy định trong dự thảo tiêu chuẩn bao gồm: Trạng thái sơn trong thùng chứa; đặc tính thi công; độ ổn định ở nhiệt độ thấp; ngoại quan màng sơn; độ mịn; độ bám dính điểm; thời gian khô; độ bền nước; độ bền kiềm; độ thấm nước là phù hợp tuy nhiên cần điều chỉnh một số thông số như độ mịn, độ bền kiềm... ứng với loại sơn lót sử dụng cho tường trong và tường ngoài.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ

trưởng Vụ KHCN-MT Bộ Xây đã thay mặt Hội đồng đã đánh giá cao những nỗ lực của nhóm thực hiện đề tài và công bố kết quả bỏ phiếu.

Đề tài đã được Hội đồng thông qua với kết quả đạt loại Xuất sắc.

Minh Tuấn

## Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh

Ngày 14/4/2011, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định đồ án Quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Hoà Lạc - Pác Bó. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị.

Tham dự hội nghị có đại diện của Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Công thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Thái Nguyên; các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Khu vực dọc đường Hồ Chí Minh đoạn Hoà Lạc - Pác Bó là khu vực đa dạng và phong phú về điều kiện tự nhiên và văn hoá - lịch sử - nhân văn, có tiềm năng lớn về phát triển du lịch, dịch vụ, đây là những giá trị có thể giúp cho các địa phương cạnh tranh phát triển trong xã hội toàn cầu hoá đã bắt đầu hướng tới các mục tiêu phát triển hậu công nghiệp, hậu hiện đại. Mặt khác khi được đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng phù hợp, một số khu vực trong phạm vi quy hoạch cũng có tiềm năng phát triển công nghiệp, tuy nhiên, các loại hình công nghiệp đầu tư vào khu vực này cần được cân nhắc thận trọng để đảm bảo khả năng cạnh tranh phát triển. Điều đó cho thấy sự cần thiết lập quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường Hồ chí Minh đoạn Hoà Lạc - Pác Bó.

Thực hiện nhiệm vụ Bộ Xây dựng giao và Nhiệm vụ thiết kế được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 448/QĐ-BXD ngày 31/3/2008, Viện Kiến trúc, quy hoạch đô thị - nông thôn Bộ Xây dựng (VIAP) đã tổ chức lập quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Hoà Lạc - Pác Bó.

Đường Hồ Chí Minh đoạn Hoà Lạc - Pác Bó



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội nghị

dài 410 km đi qua 6 tỉnh, thành phố do vậy phạm vi nghiên cứu của đồ án được xác định cơ bản theo ranh giới hành chính các huyện có đường đi qua với diện tích khoảng 6.426 km<sup>2</sup>, bao gồm: Các huyện Thạch Thất, Ba Vì (Hà Nội), thị xã Phú Thọ và các huyện Thanh Thủy, Tam Nông, Thanh Ba, Đoan Hùng (tỉnh Phú Thọ); huyện Yên Sơn, thị xã Tuyên Quang (tỉnh Tuyên Quang); huyện Định Hoá, xã Yên Trạch thuộc huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên); thị xã Bắc Kạn, các huyện Chợ Mới, Bạch Thông, Ngân Sơn (tỉnh Bắc Kạn); thành phố Cao Bằng, các huyện Hoà An, Hà Quảng, xã Thịnh Vượng thuộc huyện Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng);

Bên cạnh vai trò về giao thông và an ninh quốc phòng, tuyến đường còn là tuyến du lịch giàu giá trị cảnh quan sinh thái tự nhiên và văn hoá lịch sử, bao gồm 2 đoạn đặc trưng là:

- Vùng từ Hà Nội đến Tuyên Quang là vùng phát triển đa dạng và năng động, khai thác lợi thế về hạ tầng giao thông; các không gian phát triển kinh tế phi nông nghiệp được tổ chức hài hoà với cấu trúc thiên nhiên, tôn tạo và nâng cao các giá trị cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hoá



nhân văn, cảnh quan sinh thái nông nghiệp;

- Vùng từ Yên Sơn đến Pác Bó là chuỗi không gian du lịch và đô thị sinh thái, là trục lõi phát triển, kết nối, hội tụ và thúc đẩy các không gian phát triển dọc theo tuyến đường;

Đồ án quy hoạch xây dựng đã phân tích đánh giá các tiềm năng phát triển, đưa ra các chiến lược phát triển chính và các cấu trúc không gian, cấu trúc về hạ tầng kỹ thuật định hướng phát triển cho khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, nhằm phát huy tiềm năng và kiểm soát sự phát triển theo hướng bền vững. Các nội dung này mang tính bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình phát triển, nhưng vẫn đồng thời đảm bảo tính năng động, linh hoạt cho các địa phương có liên quan. Các địa phương có thể chủ động lập các quy hoạch xây dựng phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đặc biệt là về quy mô và chức năng phát triển, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc phát triển chung đã được hoạch định.

Một trong những nội dung chủ yếu của quy hoạch là đề xuất 6 chiến lược phát triển chính nhằm kết nối tuyến đường với hệ thống giao thông quốc gia và địa phương; phân vùng phát triển hợp lý, khai thác lợi thế về hạ tầng kỹ thuật và tiềm năng của các vùng có lợi thế so sánh về phát triển đô thị - kinh tế phi nông nghiệp; bảo vệ, tôn tạo cảnh quan dọc tuyến đường, đảm bảo an toàn giao thông; bảo vệ và tạo dựng bản sắc cảnh quan đô thị, tổ chức các điểm dịch vụ du lịch, các điểm dân cư nông thôn và các điểm dừng chân dọc tuyến; tổ chức và kết nối hệ thống tuyến - điểm du lịch dọc tuyến đường; xác định quy mô đô thị hợp lý cho từng giai đoạn phát triển.

Ngoài ra, đồ án cũng đã đề xuất quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hệ thống giao thông, định hướng chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, thoát nước, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường;

Sau khi nghe tư vấn báo cáo Quy hoạch xây dựng, các chuyên gia phản biện và các đại

biểu dự Hội nghị đã tham gia ý kiến góp ý. Các ý kiến tham gia về cơ bản nhất trí với nội dung của đồ án, đánh giá đồ án rất cần thiết đối với một khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội; nội dung đã bám sát và đáp ứng được các yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế đặt ra; đây là công trình nghiên cứu được thực hiện nghiêm túc, khoa học và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.

Đường Hồ Chí Minh đoạn Hoà Lạc - Pác Bó có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực với những đặc trưng về địa hình, phân bố dân cư và trình độ phát triển kinh tế, do vậy, để nâng cao tính khả thi của đồ án và sự phù hợp của đồ án với các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có tuyến đường đi qua, các đại biểu đã nêu ra những nội dung đề nghị tư vấn nghiên cứu, bổ sung, như: cập nhật số liệu mới, quy hoạch chi tiết và quy hoạch của các quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt,... của khu vực; phân tích, giải trình rõ hơn các căn cứ làm cơ sở cho việc đưa ra các dự báo và định hướng phát triển không gian, các giải pháp; nhiệm vụ quốc phòng an ninh cần được thể hiện rõ; bảo đảm hành lang an toàn giao thông đồng thời lưu ý kết nối các khu công nghiệp, khu thương mại để nâng cao trình độ phát triển kinh tế của khu vực. Đại biểu các địa phương cũng đã đề nghị tư vấn xem xét điều chỉnh hướng tuyến cho một số đường trong hệ thống giao thông của địa phương kết nối với đường Hồ Chí Minh.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cho biết, Hội đồng nhất trí với các nội dung cơ bản của đồ án, tuy nhiên đề nghị tư vấn tiếp thu ý kiến các đại biểu, bổ sung, hoàn chỉnh thuyết minh đồ án để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Huỳnh Phước**



## Công nghệ xử lý rác thải MBT-CD08 - mô hình được khuyến khích nhân rộng trên toàn quốc

Công nghệ xử lý rác thải MBT-CD08 do Công ty TNHH Thủy lực - Máy sáng chế với sự hỗ trợ trực tiếp của Bộ Xây dựng được áp dụng tại Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, là một bước tiến quan trọng trong lĩnh vực xử lý rác thải ở Việt Nam. Ưu điểm của công nghệ này là xử lý triệt để, tái chế gần như toàn bộ rác thải thành viên nhiên liệu, gạch xi, thu hồi các sản phẩm có ích từ rác để tái chế (nylon, kim loại), không tốn diện tích đất chôn lấp.

Hệ thống dây chuyền công nghệ MBT-CD08 được phân thành các khu: khu xử lý, khu tái chế và khu ứng dụng. Các thiết bị được hình thành ở dạng mô đun hoàn chỉnh, có thể tháo rời, vận chuyển và lắp ráp dễ dàng. Hoạt động của các hệ thống thiết bị được tự động hóa, điều khiển qua hệ thống điều khiển trung tâm. Các thiết bị công nghệ được bao kín nhằm giảm thiểu sự phát tán mùi, bụi trong quá trình vận hành.

Tại khu xử lý rác được bố trí hệ thống thu gom và xử lý mùi, thiết bị cuốn ép và nạp rác, máy xé rác và định lượng, tổ hợp sàng đĩa, máy xé loc, tuyến từ, thiết bị sàng lồng, tổ hợp thiết bị cắt xé rác đa tầng, tách kim loại và nylon, tháp ủ sinh học, tạo chất kết dính, các băng tải, hệ thống camera và dây dẫn truyền tín hiệu tới trung tâm điều khiển. Các thiết bị này được bố trí liên hoàn, đồng bộ nhằm tiếp nhận rác, nạp rác, phân loại sơ cấp, cắt xé nhỏ rác có kích thước lớn, phân loại thứ cấp, xử lý sơ bộ các thành phần rác thải sau khi phân loại.

Các chất thải hữu cơ đã phân hủy và chất cháy sau khi xử lý được chuyển qua khu tái chế để sản xuất viên nhiên liệu. Thiết bị chế rác thành các viên nhiên liệu gồm: máy phối trộn, tổ hợp máy nghiền-máy đóng rắn áp lực nhằm định hình các viên nhiên liệu, công đoạn sấy/phơi khô sản phẩm viên nhiên liệu.



Dây chuyền công nghệ MBT-CD08

Các chất thải vô cơ sau khi được sản xuất gạch không nung. Trong công đoạn này có các thiết bị gồm máy nghiền, máy phối trộn chất vô cơ và chất kết dính, máy đóng rắn áp lực tạo gạch xây, gạch lát không nung theo các quy cách, kích thước khác nhau.

Khu ứng dụng là không gian chứa các sản phẩm sau khi xử lý, tái chế rác: nylon, sắt, thép, gạch không nung, viên nhiên liệu...

Dây chuyền thiết bị công nghệ xử lý rác của Công ty TNHH Thủy lực - Máy đã được Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Bằng độc quyền sáng chế.

Công nghệ xử lý rác MBT-CD08 được hình thành và phát triển trên cơ sở công nghệ xử lý và chế biến rác thành phân vi sinh. Qua nhiều năm nghiên cứu và phát triển công nghệ, đến nay MBT-CD08 đã được hoàn thiện, xử lý được 100% rác thải, không chôn lấp và do đó không phát sinh ô nhiễm môi trường trong quá trình xử lý, không chiếm nhiều diện tích đất như các phương án xử lý khác.

Theo định hướng của Bộ Xây dựng về việc nhân rộng áp dụng công nghệ MBT-CD 08, một liên doanh các nhà chế tạo, lắp đặt và chuyển giao công nghệ gồm T Cty Lắp máy Việt Nam, T Cty Cơ khí xây dựng và Công ty TNHH Thủy

lực - Máy đã được thành lập nhằm tiếp tục hoàn thiện và triển khai công nghệ này ở các địa phương trên cả nước, giúp giảm bớt những bức xúc về vấn đề rác thải cho các địa phương, cải

thiện môi trường và biến rác thải thành tài nguyên có giá trị.

Minh Tuấn

## Đánh giá lại ứng dụng của Bê tông tự đầm (SCC)

Trong nhiều năm qua bê tông tự đầm (SCC) được coi là vật liệu có nhiều tính năng ưu việt, nhưng hiện nay loại bê tông này có vai trò như thế nào trong xây dựng ?

SCC đã được phát triển trong nhiều năm qua, nó đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường bê tông đáng kể và có nhiều tính năng ưu việt của SCC đã được ghi nhận. Thí dụ như, SCC có thể tự chảy xa tới 120 feet (~ 40 m) từ vị trí đổ. Nó có thể tự chảy xa như vậy, và có thể thiết kế được nhiều hỗn hợp bê tông SCC như vậy, nhưng chúng đắt tiền và không cần ứng dụng cho hầu hết các công trình.

SCC hiện nay phần lớn được sử dụng cho công nghiệp bê tông đúc sẵn, vì có thể kiểm soát tốt những biến động về chất lượng. SCC dùng cho các công trình bê tông đổ tại chỗ có cốt thép dày hay đối với những công trình cần giảm chi phí nhân công và giảm giá thành bê tông. Để phát triển SCC trong công nghiệp cần phải am hiểu tốt hơn về những lĩnh vực sử dụng tốt nhất loại bê tông này.

Một trong những thách thức khi sử dụng SCC đó là phải đạt được các kết quả ổn định của tất cả các mẻ trộn, mà chủ yếu quyết định bởi sự dao động các tính chất của từng thành phần hỗn hợp bê tông, đó là điều hiện nay vẫn được quan tâm, nhưng các nhà sản xuất bê tông và các nhà thầu lâu nay chỉ quan tâm nhiều tới phải làm cách nào để nâng cao tính năng của bê tông.

### SCC là gì ?

SCC là bê tông có độ chảy cao không phân tầng, đến mức mà phép đo độ sụt của hỗn hợp bê tông theo tiêu chuẩn không thể áp dụng được, bởi vì bê tông không thể tự “đứng” được mà giàn chảy ra xung quanh. Người ta cho hỗn

hợp bê tông SCC vào đầy côn tiêu chuẩn, rồi nhấc côn lên cho hỗn hợp SCC chảy tự do, sau đó đo đường kính giàn chảy của hỗn hợp. SCC theo định nghĩa có đường kính giàn chảy khoảng 18 - 30 inch. Mặc dù loại bê tông này rất chảy, nhưng cường độ nén cao hơn đáng kể so với các hỗn hợp bê tông thường.

Khi các hỗn hợp bê tông thường quá chảy, chúng bị phân tầng; các cốt liệu lớn lắng xuống đáy của khuôn, nước và hồ xi măng nổi lên trên. Các hỗn hợp SCC phải duy trì được độ đồng nhất cao, linh động nhưng không phân tầng.

### Những chú ý đối với cốt liệu:

Hạt đá dăm dạng khối lập phương là cốt liệu lớn tốt nhất cho SCC; những hạt dẹp, dài có chất lượng kém. Đá dăm có kích thước hạt khoảng 1/2 inch (1,25 cm) là tốt nhất cho các hỗn hợp SCC.

Cốt liệu tốt nhất cho SCC được phân cấp hạt tốt, nghĩa là có một số cỡ hạt cốt liệu khác nhau được trộn với nhau theo tỷ lệ nhất định để tạo ra độ rỗng nhỏ nhất giữa các hạt. Để tạo ra được cấp phối như vậy, các mỏ đá phải cung cấp một số cỡ hạt cốt liệu cho các nhà sản xuất bê tông, mỗi cỡ hạt được chứa trong các phễu định lượng riêng. Nhưng hiện nay rất ít công ty bê tông trộn sẵn có các phễu định lượng riêng trong kho nguyên liệu, bởi vậy phần lớn các cốt liệu được phân cấp gián đoạn và chứa trong các phễu đơn lẻ. Một khoảng trống lớn giữa các hạt cốt liệu lớn còn chưa được lấp đầy bằng các hạt cỡ trung bình và chất độn. Ngoài ra, về các cấp hạt cốt liệu ở nhiều nơi khác nhau nên thành phần không đồng nhất, dẫn đến tính chất của các mẻ trộn bê tông cũng không đồng nhất. Tất cả những yếu tố đó gây khó khăn cho việc sản xuất SCC.

## **Các phụ gia cho SCC**

Hai phụ gia quan trọng dùng cho các hỗn hợp SCC đó là polycarboxylate(PCE) giảm nước cao(các phụ gia siêu dẻo) và các phụ gia thay đổi độ dính kết (VMA).

PCE hiện nay là phụ gia siêu dẻo được sử dụng nhiều hơn, thay cho 2 sản phẩm dẫn xuất của naphthalene và melamine trước đây. Chúng kéo dài thời gian đổ bê tông độ sụt cao và thời gian rải bê tông tối đa so với các phụ gia trước đây. Một nhược điểm chung của các phụ gia siêu dẻo, đặc biệt các phụ gia thuộc dạng polycarboxylate đó là trong những hoàn cảnh nhất định, chúng có thể sinh ra hoặc lôi cuốn không khí vào bê tông. Tuy nhiên, mức độ lôi cuốn khí phụ thuộc vào nhiều yếu tố, và các phụ gia PCE sẽ không ảnh hưởng đáng kể tới chất lượng bê tông khi áp dụng hệ thống kiểm soát lượng không khí lôi cuốn một cách hoàn hảo.

Có thể cho thêm các phụ gia hoá để kiểm soát lượng không khí lôi cuốn vào bê tông khi sử dụng phụ gia PCE.

Các cốt liệu phân cấp hẹp và cát nhân tạo cần sử dụng phụ gia VMA. Những thế hệ mới của VMA giữ cho hỗn hợp có độ dính kết tốt mà không làm giảm các tính chất chảy của SCC.

Cần sử dụng bao nhiêu VMA cho hỗn hợp SCC cũng là việc cần quan tâm, bởi vì VMA giá khá đắt. Theo các chuyên gia, nên sử dụng lượng VMA tối thiểu, vì nếu dùng nhiều VMA thì lượng phụ gia PCE cũng tăng theo, giá thành bê tông cũng tăng theo. Hiện có xu hướng sử dụng cốt liệu lớn hơn cho SCC, vì vậy phụ gia VMA có thể cải thiện khả năng bơm của hỗn hợp bê tông SCC.

## **Bê tông SCC**

Các hỗn hợp SCC rất nhạy cảm. Độ linh động của bê tông giữa các mẻ trộn là vấn đề được quan tâm hàng đầu khi thiết kế cấp phối hỗn hợp SCC. Khi vận chuyển hỗn hợp bê tông, trống đựng bê tông trên xe ô tô chở từ nhà máy tới công trường phải được quay liên tục, đảm bảo duy trì các tính chất của hỗn hợp SCC theo thiết kế. Cần tiến hành thử kiểm tra và theo dõi các

tính chất của hỗn hợp SCC trên công trường.

## **Các hỗn hợp bê tông độ chảy cao:**

Bê tông SCC không cần dùng trong mọi trường hợp có yêu cầu độ sụt đổ bê tông cao; có thể sử dụng bê tông có độ chảy cao. Phạm vi độ sụt đổ bê tông của các hỗn hợp này dao động từ 8 đến 12 inch (20- 30 cm), tương đương với độ giàn chảy lớn nhất tới 18 inch (45 cm). Ưu điểm đầu tiên của loại bê tông này là các nhà thầu có thể sử dụng các hỗn hợp hàng ngày. Các hỗn hợp có cỡ hạt lớn hơn cũng không gây khó khăn cho thi công, không cần phụ gia VMA.

Sự khác nhau trong thi công bê tông SCC với bê tông độ chảy cao đó là bê tông độ chảy cao cần phải đầm rung bên ngoài hay bên trong khi đổ các tường có cốt thép dày. Máy đầm thường dùng có tần số 8000 vòng/phút. Nên sử dụng máy đầm tốc độ cao, biên độ thấp trong trường hợp thời gian đầm ngắn hơn và bê tông độ chảy cao.

## **Sử dụng SCC**

Công ty Wayne Brothers, Kaanapolis, N.C., đã sử dụng thành công bê tông SCC để thi công các tường thẳng đứng có mật độ cốt thép dày. Công ty phải tăng chi phí cho mỗi Yard khối bê tông từ 10 đến 17 USD khi sử dụng SCC(so với bê tông thường), nhưng lại giảm được chi phí lao động(không cần đầm), nên tiết kiệm hơn. Công ty chỉ sử dụng bê tông độ chảy cao cho thi công phần móng, các tấm và một số tường. Chi phí cho 1 yard khối bê tông độ chảy cao lớn hơn so với bê tông thường là 6 - 8 USD/yard khối, nhưng lại phải chi phí cho lao động đầm bê tông, do đó chi phí cho thi công lại tăng lên.

Hiện nay, phần lớn các vấn đề liên quan đến thi công bê tông SCC đều cần phải tính toán và quyết định kết hợp chặt chẽ với nhà sản xuất hỗn hợp bê tông trộn sẵn và nhà thầu bê tông.

**Đinh Bá Lô**

*Nguồn: T/C "Concrete Construction" N11/2010*

## Các sản phẩm vật liệu xây dựng mới ứng dụng công nghệ nano tại Hội chợ Triển lãm vật liệu xây dựng Matxcova - OSM 2011

Từ ngày 26-29/01/2011 tại thành phố Matxcova - LB Nga đã diễn ra Hội chợ Triển lãm “Vật liệu xây dựng trong nước 2011” - OSM 2011 do chính quyền thành phố Moskva và Công ty triển lãm Euroexpo tổ chức, với sự bảo trợ của Hiệp hội Xây dựng Nga và Liên đoàn Xây dựng Nga.

### *Nano- ngành của tương lai*

Sự kiện nổi bật trong Hội chợ Triển lãm OSM 2011 là Hội nghị toàn quốc lần thứ 2 với chủ đề “Ứng dụng công nghệ nano trong xây dựng” do Quỹ hỗ trợ phát triển công nghệ nano của Công ty Rosnano - công ty được giao nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao vào tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, trong đó có ngành Xây dựng - đứng ra tổ chức.

Trong gian trưng bày của Rosnano tại Triển lãm, khách tham quan có thể làm quen với các công ty, tập đoàn đối tác và các dự án của họ. Công ty Hevean – tấm panel mặt trời; Công ty Galen – kết cấu khung nhà; Công ty Cổ phần Compozit – sợi carbon và các mẫu sản phẩm chế tạo sẵn; Công ty Manel – ống lớn, các chi tiết của bộ tản nhiệt. Có lẽ không phải ai cũng hiểu các thuật ngữ trên, bởi vì đây là những từ sẽ dùng nhiều trong tương lai. Theo cách diễn đạt rất sinh động của Phó Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga Xergei Ivanov, sản xuất theo công nghệ nano là một ngành của tương lai. Và quả thật, công nghệ nano đã tạo nên những điều kỳ diệu trong y học, giao thông và nhiều lĩnh vực khác, trong đó có xây dựng cơ bản và xây dựng cầu đường. Qua Công ty Rosnano, một loạt các nhà máy đã nghiên cứu và sản xuất các vật liệu xây dựng theo công nghệ nano. Công ty cổ phần Compozit là nhà tài trợ cho hội thảo “ Ứng dụng công nghệ nano trong xây dựng - Lý luận và thực tiễn”. Tại hội nghị này, đại diện của

Công ty Rosnanotex - một doanh nghiệp Nhà nước về công nghệ nano đã có bài tham luận “Những khuynh hướng chủ yếu trong hoạt động của Rosnano đối với công nghiệp xây dựng”, trong đó khẳng định Rosnano đã và đang thực hiện một số dự án mà sản phẩm làm ra có thể sử dụng trong lĩnh vực xây dựng. Ví dụ, vật liệu kết cấu siêu bền, các loại cốt thép mới, màng siêu mỏng để phủ lên các kết cấu xuyên sáng, lớp phủ bề mặt tự làm sạch chống ăn mòn. Các sản phẩm này có thể được ứng dụng cho nền nhà với cơ chế tự điều chỉnh thích ứng với nền đất; ứng dụng trong kết cấu chịu lực, thực hiện việc kiểm tra trạng thái biến dạng - chịu lực riêng của toà nhà; ứng dụng trong kết cấu bảo vệ và kết cấu mái tích tụ năng lượng mặt trời; lớp phủ có chức năng quang xúc tác và nhiều chức năng khác nữa.

Ngoài ra, Rosnano còn tích cực hoạt động trong lĩnh vực đào tạo chuyên gia công nghệ nano và xây dựng các chương trình hoạt động dành cho các chuyên gia. Từ nay tới năm 2015 cần lựa chọn 120 chương trình như vậy, trong đó có cả chương trình sản xuất VLXD.

Để hỗ trợ công ty Rosnano trong lĩnh vực nghiên cứu, triển khai công nghệ nano, Chính phủ LB Nga đã đầu tư cho Công ty này 130 tỷ rúp. Ngoài ra, Rosnano cũng đang hướng tới việc phát hành 3 đợt cổ phiếu kỳ hạn 7 năm (do nhà nước bảo lãnh) với tổng số tiền tương ứng 8, 10 và 15 tỷ rúp. Hơn 80% số vốn sẽ dành trực tiếp cho các dự án đầu tư.

Chế tạo vật liệu dựa trên công nghệ nano đòi hỏi số vốn rất lớn. Tại Nga hiện nay, chương trình quốc gia tới năm 2015 “Kế hoạch tài chính cho công cuộc đổi mới và kiến thiết” đang đi vào hoạt động, nhiều tỷ rúp đã được chi cho mục đích trên. Trong khi đó, tại nhiều nước phát



triển phương Tây, các kế hoạch này được chi tới hàng ngàn tỷ USD. Vậy lấy đâu ra nguồn vốn đó? Về vấn đề này, trưởng Bộ phận chăm sóc khách hàng thuộc Ngân hàng Rosavtobank-ông Maksim Komandirov đã phát biểu, Rosavtobank và Ngân hàng phát triển Nga tháng 12 năm ngoái đã ký thỏa thuận dành một khoản tín dụng trị giá 200 triệu rúp cho chương trình quốc gia “Kế hoạch tài chính cho công cuộc đổi mới và kiến thiết”. Nhờ sự hợp tác này, các công ty phát triển ở Nga có thể nhận được các khoản tín dụng ưu đãi tại Rosavtobank với mức lãi suất không quá 10%/năm. Thời hạn cho vay sẽ được xác định riêng với từng dự án và có thể từ 6 tháng tới 5-7 năm.

Tóm lại, trong khuôn khổ chương trình này, các nhà máy có thể nhận được nguồn tín dụng để đổi mới các thiết bị sản xuất chủ yếu, đổi mới cơ sở vật chất và ứng dụng các công nghệ mới. Kế hoạch tài chính cho các dự án đã được xem xét, nhằm nâng cao chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật của các thiết bị, tự động hoá quy trình sản xuất hoặc thay thế các trang thiết bị đã cũ. Việc mua công nghệ (bằng sáng chế hoặc bản quyền), các thiết bị mới công nghệ cao kèm theo chương trình bảo hành, chúng nhận quy trình công nghệ... cũng đang được xem xét.

Hiện nay người ta không chỉ lập kế hoạch mà còn tiến hành các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm nhằm tìm ra phương pháp biến đổi cấu trúc nano của vật liệu, nghiên cứu sự biến đổi (về chất và lượng) của các đặc tính quan trọng của chúng và nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất các loại vật liệu xây dựng, các sản phẩm và kết cấu có đặc tính cơ học – lý học vượt trội so với các sản phẩm tương tự. Năm 2010 các nhà khoa học của Nga đã tạo được loại vật liệu xây dựng từ bê tông polistirol. Được áp dụng công nghệ nano, loại vật liệu này không bị phá vỡ bởi tác động của ánh nắng mặt trời, bởi các hạt nhỏ của chất tạo bọt nằm trong lớp vỏ bảo vệ của bê tông, giúp cho bê tông có khả năng chịu băng giá cao và có khả năng

cách nhiệt ưu việt so với các vật liệu thông thường đang sử dụng trong xây dựng hiện nay. Trên thực tế các nhà khoa học đã nghiên cứu mô hình lý thuyết đối với các hạt polistirol tạo bọt trong vữa xi măng-cát, biểu diễn mối quan hệ giữa độ bền, độ chắc đặc và khả năng dẫn nhiệt của vật liệu tạo thành với cấp phối và chất lượng của các vật liệu đầu vào.

Trong bài tham luận “Tình hình và triển vọng ứng dụng công nghệ nano trong sản xuất vật liệu xây dựng”, Giáo sư Andrey Ponomarev - Tổng Giám đốc “Trung tâm KHCN nano” đã nêu lên những thành tựu mà các nhà khoa học đạt được và triển vọng ứng dụng công nghệ nano tại Nga. Ông đề cập đến một số hướng hoạt động của Trung tâm và minh họa bằng bài nói về công trình cầu bắc qua sông Volga mới được khánh thành tại thành phố Kimra, quá trình thi công đã ứng dụng những vật liệu xây dựng mới do Trung tâm nghiên cứu, về các loại vật liệu áp dụng công nghệ nano trong sản xuất được sử dụng trong công trình tu bổ nhà thờ Ixaackievski. Công nghệ nano nâng chất lượng các vật liệu xây dựng lên gấp nhiều lần.

Bài tham luận của ông Alekxandre Chudnovski - Giám đốc Công ty “Nhà máy công nghệ thông tin - LIT” tại Hội nghị đã thu hút được sự chú ý của nhiều đại biểu. 3 năm trước đây, nhà máy đã mở thêm phân xưởng sản xuất kính. Phân xưởng này sản xuất ổn định và không ngừng phát triển, đạt năng suất cao nhờ các công nghệ tiên tiến. Trang thiết bị hiện đại cho phép nhà máy sản xuất được loại kính tối chất lượng cao, kính nhiều lớp, kính dẻo, thực hiện được các công đoạn phức tạp của việc chế tạo kính (mài kính, đánh bóng, khoan lỗ và cắt kính). Quy trình sản xuất tiết kiệm rất nhiều năng lượng. Sau 3 năm đi vào xây dựng và cải tiến, mức tiêu thụ năng lượng tính trên mỗi đơn vị sản phẩm đã tiết kiệm được từ 30 - 40%.

Tổng giám đốc Công ty cổ phần “Plakart” Lev Bandaev phát biểu về vấn đề công nghệ



nano đã hỗ trợ việc chống ăn mòn các kết cấu kim loại và bê tông cốt thép. Các dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9000 của công ty đã được xây dựng ở các thành phố Matxcova, Perm, Chiumen, còn các đội sản xuất lưu động thì hoạt động ở khắp liên bang Nga - những nơi có thể khai thác nguyên liệu tại chỗ. Plakart giới thiệu công nghệ gia công bề mặt bằng phương pháp phun khí nhiệt và hàn nối lớp phủ từ các vật liệu có cấu tạo nano. Những lớp phủ như thế với độ dày từ hàng chục đến hàng trăm micron có đặc tính làm tăng độ bền mài mòn, giảm ma sát liên quan tới không chỉ vật liệu cơ bản mà cả lớp phủ theo phương pháp truyền thống. Nhờ đó có thể tăng tuổi thọ cho toàn bộ sản phẩm cũng như khôi phục mẫu mã cũ cho phù hợp nhu cầu.

Nhờ các phương pháp của Plakart, có thể phun lớp phủ bề mặt bằng kim loại, hợp kim, gốm kim loại và gốm lên các chi tiết bằng kim loại, gốm, nhựa. Nhờ phương pháp phun, bề mặt chi tiết không bị nóng lên quá 120°C, lớp phủ khí nhiệt không gây nên hiệu ứng nhiệt và không làm thay đổi cấu tạo của thép. Phương pháp phun laser và plasma tạo ra sự liên kết vững chắc giữa lớp phủ và vật liệu nền, tạo ra khả năng ứng dụng lớp phủ bề mặt trong những điều kiện chịu tải trọng và va đập mạnh.

Việc sử dụng các lớp phủ bề mặt cho phép chuyển sang dùng các vật liệu cấu tạo rẻ tiền hơn, giảm độ dày lớp phủ chống ma sát, giảm khối lượng cấu tạo sản phẩm nhờ khả năng chống ăn mòn và han rỉ.

Hội nghị toàn quốc này đã mở ra những chân trời mới cho ngành công nghiệp xây dựng LB Nga. Các quan khách và đại biểu tham dự có thể tiếp cận với những thành tựu của các xu hướng cơ bản trên thị trường công nghệ hiện đại; trong sản xuất; trong lĩnh vực áp dụng và khai thác các vật liệu xây dựng; làm quen với quá trình đổi mới và những thành tựu của các nhà sản xuất hàng đầu trong nước, gỡ gỡ các đồng nghiệp cũng như đối tác kinh doanh tại

triển lãm, phát triển các mối quan hệ làm ăn và ký kết các hợp đồng kinh doanh, tham gia vào các chương trình làm việc của triển lãm.

Nhìn chung, Triển lãm “Vật liệu xây dựng trong nước” 2011 một lần nữa đã khẳng định xây dựng công nghiệp là nền tảng công nghệ của xây dựng hiện đại. Có thể nói, triển lãm đã trở thành một trung tâm thông tin khoa học- kỹ thuật thực thụ, là công cụ tuyên truyền quảng bá quan trọng cho sự đổi mới, là một bước tiến vào tổ hợp các phương pháp đổi mới công nghệ tiên tiến nhất của ngành Xây dựng trong nước.

Triển lãm lần này rất phong phú về các ý tưởng mới mẻ cũng như các nghiên cứu đổi mới. Công ty Mostroy-31 đã trình bày mô hình “nhà thụ động”. Trong tương lai gần những ngôi nhà như vậy sẽ làm đẹp cho khu biệt thự vùng ngoại ô Butov (Moskva). Trong những toà nhà tiện nghi này, theo lời giám đốc bộ phận quảng cáo của công ty Mikhail Vonkonski - chỉ số chung ban đầu của nhu cầu năng lượng ở mức khai thác trung bình sẽ không vượt quá 120 kwh. Nguyên tắc của “nhà thụ động” là: Sử dụng ít năng lượng - công suất hệ thống sưởi không quá 15w/m<sup>2</sup> diện tích chung; Tính cách nhiệt cao của các cấu trúc bảo vệ so với tiêu chuẩn; Tận dụng nhiệt chân không cũng như các nguồn năng lượng không truyền thống.

Công ty Knauf - SNG “trình làng” nghiên cứu của mình trong lĩnh vực vật liệu chịu lửa Knauf Fireboard - loại vật liệu có tính năng chịu lửa, không cháy và an toàn về mặt sinh thái.

### *Gạch - tình trạng khan hiếm*

Cuộc hội thảo chuyên đề “Gạch nung- công nghệ đi lên” diễn ra trong khuôn khổ triển lãm lần này đã thu hút sự quan tâm của các bên tham dự. Hội thảo do Hiệp hội các nhà sản xuất gạch nung đứng ra tổ chức.

Tại Hội thảo này, Chủ tịch Hiệp hội Vladislav Gerashenko đã phát biểu về sự cần thiết phải xây dựng những tiêu chuẩn mới về gạch nung thay cho các tiêu chuẩn cũ đã lạc hậu. Theo ông, Hiệp hội cùng với các đối tác châu Âu

đang chuẩn bị các văn bản Tiêu chuẩn và quy phạm Xây dựng và Tiêu chuẩn quốc gia của Liên bang Nga, nhằm tiến tới hợp nhất với Bộ tiêu chuẩn của EU. Tiếp đó, ông V.Gerashenko đề cập tới vấn đề quảng bá cho quá trình đi lên của vật liệu gạch nung xây tường trên thị trường trong nước và việc nghiên cứu Luật về bảo vệ nhiệt năng trong các tòa nhà và các công trình xây dựng. Văn bản trên cần ràng buộc chặt chẽ với Luật sử dụng năng lượng hiệu quả mà Liên bang Nga đã ban hành cách đây không lâu.

Trong hội thảo này, một số vấn đề quan trọng của các ngành - nhìn từ góc độ quảng cáo thương mại - cũng được đưa ra thảo luận: trang thiết bị cũ hao mòn nhiều và cho tới nay hầu hết vẫn còn hoạt động trong các nhà máy gạch, chưa có khả năng giảm giá thành sản xuất...Tất cả những điều đó dẫn đến sự đi xuống của thị trường gạch trong nước: người tiêu dùng quay lưng lại với sản phẩm trong nước và hướng tới các nhà sản xuất nước ngoài. Bên cạnh đó, ngành Xây dựng trong nước cứ mỗi năm lại có nhu cầu cao hơn về gạch các màu, đa dạng về kiểu dáng kích cỡ, do vậy việc đầu tư một cách nghiêm túc để tái thiết cơ sở sản xuất trong nước là vô cùng cần thiết. Những nhu cầu mới về kiến trúc đối với các nhà sản xuất gạch thì không phải đều tiến bộ và nhất quán. Phát biểu trong cuộc hội thảo này với chủ đề bảo vệ nhiệt năng cho các tòa nhà, nhà báo - thành viên Viện kiến trúc V. Gagarin đã thẳng thắn kêu gọi các kiến trúc sư hãy “ghìm” óc tưởng tượng của mình, hãy từ bỏ các thiết kế nhà để ở trên máy tính và quay về với thực tế khắc nghiệt. Tức là trong quá trình thiết kế các tòa nhà ở (một phần trong đó sử dụng gạch nung) cần nhớ rằng, phần lớn diện tích lãnh thổ của LB Nga nằm trong khu vực có điều kiện khí hậu lạnh. Mặt tiền các tòa nhà càng phức tạp cầu kỳ thì mức thất thoát nhiệt lại càng cao. Các tòa nhà cao tầng muốn tiết kiệm nhiệt năng tốt nhất nên làm theo hình chữ nhật. Ví dụ: 2 tòa nhà cùng một thể tích, cùng một hệ số thu gọn và hệ số lấp kính, bằng nhau về số tầng, được

xây từ cùng một loại vật liệu, áp dụng cùng một công nghệ, có thể có mức thất thoát nhiệt khác nhau. Nhà hình chữ nhật sẽ có mức thất thoát thấp hơn 25% so với nhà dạng chữ thập thông thường. Song các nhà thiết kế hiện nay không vì thế mà bị hạn chế. Hình thức một số mặt tiền của các công trình mới trong đô thị vẫn vô cùng phong phú với những tháp, những diềm mái... điều này tất yếu dẫn đến việc thất thoát nhiệt sẽ bị đẩy lên cao hơn mà không bù đắp lại được bằng bất cứ hình thức giữ nhiệt bên ngoài nào của mặt tiền ngôi nhà.

Ông V. Gagarin cũng phê phán “mốt” giữ nhiệt bên ngoài của các mặt tiền các tòa nhà tại thủ đô. Theo ý kiến của ông, một lượng nhiệt khá lớn trong các tòa nhà hiện đại bị thất thoát ra ngoài hoàn toàn không phải qua tường mà chính là qua cửa sổ.

Tổng giám đốc công ty ITKOR hoạt động trong lĩnh vực thông tin - ông Igor Ponomarev đã chia sẻ những đánh giá về mức tăng trưởng thực tế và nhu cầu của thị trường đối với gạch nung trong thời kỳ phát triển công nghiệp xây dựng hậu khủng hoảng. Ông cho rằng, vị trí thực của gạch nung trên thị trường xây dựng Nga còn rất xa so với các đánh giá “ảo” của các số liệu thống kê chính thức. Trên thực tế, tăng trưởng sản xuất khiêm tốn hơn nhiều ( 6,3 - 6,4 tỷ viên gạch/năm) tức là không hơn 1,5% so với sản lượng thời kỳ khủng hoảng năm 2009. Dự báo về tương lai, ông cho rằng, sự năng động sản xuất và nhu cầu gạch xây dựng trong năm 2011 tương đối khả quan: tăng trưởng sản xuất có thể đạt được 6-7% so với sản lượng năm 2010. Năm 2012 có thể đạt 9% (tương đương 6,6 - 6,7 tỷ viên/năm). Điều này “cho phép tất cả các nhà sản xuất gạch nung lạc quan một cách thận trọng, bởi ngành vừa trải qua một cuộc khủng hoảng”- theo lời ông I.Ponomarev.

**B.Glebov; V.Zhuravlev; A. Kostin**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga -Số 6*

*ngày 11/02/2011*

**ND: Lê Minh**

## **Vấn đề giảm khí thải cacbon và kiến trúc sinh thái**

Trước tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu, ý nghĩa của việc tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực xây dựng càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Xu thế xây dựng thành phố, khu sinh thái cộng đồng ít phát thải khí cacbon đã trở thành chiến lược quan trọng của nhiều nước trên thế giới. Nhưng bằng cách nào để giảm lượng khí thải cacbon là điều mà nhiều quốc gia đang quan tâm.

### **1. Sự cần thiết phải giảm lượng khí thải cacbon**

Theo các số liệu thống kê đã được công bố, mức tiêu thụ năng lượng của thế giới trong các công trình xây dựng khá cao chiếm tới 40%, trong khi đó mức tiêu hao năng lượng của các công trình xây dựng ở Trung Quốc là 28%, và 60% nguồn khí thải cacbon có nguồn gốc từ các công trình xây dựng trong thành phố. Hiện nay ở Trung Quốc, cứ mỗi mét vuông xây dựng sẽ thải ra khoảng 0,8 tấn cacbon, mà tỷ lệ công trình kiến trúc bị phá dỡ chiếm khoảng 35% diện tích xây dựng mới. Ở các nước châu Âu, bình quân các công trình kiến trúc, xây dựng có tuổi thọ sử dụng gần một trăm năm, còn ở Trung Quốc tuổi thọ của các công trình kiến trúc rất ngắn, do vậy số lượng các công trình xây dựng bị phá dỡ ngày càng tăng tạo ra một lượng khí thải cacbon rất lớn. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng mới, những vật liệu và phương tiện xây dựng có mức tiêu hao năng lượng lớn ngày càng được sử dụng phổ biến và rộng rãi, cùng với sự phát triển của các đô thị ở Trung Quốc, chắc chắn sẽ góp phần tiêu hao một lượng lớn năng lượng.

Tại Hội nghị Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu năm 2009, Trung Quốc đã đưa ra mục tiêu: cắt phát thải cacbon trên 1 đơn vị GDP 40%-45% so với mức năm 2005 vào năm 2020. Khi việc giảm lượng khí thải cacbon chính thức trở thành trách nhiệm của quốc gia, trở thành nhiệm vụ quan trọng của ngành Xây dựng trong

tiến trình đô thị hoá và phát triển kinh tế của đất nước, toàn cộng đồng nhất thiết phải chú trọng nhiều hơn nữa.

Gần đây, Ủy ban cải cách và phát triển Trung Quốc đã ban hành Văn bản về triển khai thí điểm giảm phát thải khí cacbon ở một số tỉnh và thành phố, người ta đã chọn ra 5 tỉnh và 8 thành phố để thí điểm. Nội dung Văn bản này yêu cầu các tỉnh và thành phố đã được chọn phải lập kế hoạch giảm khí thải cacbon, đưa ra những chính sách có liên quan đến việc duy trì phát triển kế hoạch này; đẩy nhanh việc thiết lập hệ thống công nghiệp có tính năng giảm phát thải khí cacbon; thiết lập hệ thống quản lý và thống kê dữ liệu phát thải khí nhà kính; tích cực vận động người dân có đời sống sinh hoạt văn minh, lành mạnh, ít phát thải khí cacbon.

Trước bối cảnh tất cả các nước trên thế giới đang triển khai thực hiện giảm phát thải khí cacbon, Trung Quốc cũng đưa ra những yêu cầu khách quan đối với lĩnh vực xây dựng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và triển khai nghiên cứu chiến lược xây dựng giảm thải khí cacbon. Ngành Xây dựng Trung Quốc đã và đang không ngừng tìm tòi, hoàn thiện chính sách kỹ thuật để giảm thiểu biến đổi khí hậu, đánh giá những biện pháp xây dựng có tính thích ứng, có hiệu quả tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải cacbon, nhanh chóng sửa đổi những tiêu chuẩn xây dựng sao cho phù hợp, hướng dẫn, mở rộng việc ứng dụng những quy phạm kỹ thuật đáng tin cậy trong lĩnh vực xây dựng, phát huy hiệu quả tiết kiệm năng lượng, hoàn thiện và lập kế hoạch phát triển hệ thống tiêu chuẩn có tính năng thải cacbon thấp, thiết lập cơ quan nghiên cứu tiêu chuẩn xây dựng giảm phát thải cacbon, triển khai công tác nghiên cứu về tiêu chuẩn này. Lập "Hệ thống tiêu chuẩn giảm phát thải cacbon và phát triển thành phố sinh thái" như các tiêu chuẩn thiết kế, kỹ thuật, sản phẩm, vận hành, quản lý, kiểm

tra, tiêu chuẩn tiêu hao năng lượng và tiêu chuẩn tận dụng nguồn tài nguyên giảm thải khí cacbon trong xây dựng...

Ngành Xây dựng Trung Quốc tích cực học hỏi kinh nghiệm quốc tế về giảm phát thải khí cacbon, nhất là những kinh nghiệm và công nghệ về xử lý, tái chế rác thải, quản lý chất thải rắn xây dựng.

Ở Nhật Bản, rác thải xây dựng là nguồn tài nguyên phục vụ đắc lực cho ngành Xây dựng, bởi nguồn tài nguyên này có thể tái chế và đưa vào sử dụng. Các phế thải phá dỡ như bê tông, kim loại, gỗ, gạch vụn... đều được xử lý, cố gắng không để lãng phí bất cứ loại rác thải xây dựng nào tại công trường thi công, làm sao có thể đưa vào tái chế càng nhiều càng tốt.

Hiệp hội xây dựng nhà ở Quốc gia của Mỹ đang mở rộng phát triển một loại nhà có tên gọi là: “nhà bảo vệ nguồn tài nguyên”, loại nhà này được xây dựng khá độc đáo, người ta sử dụng những phế liệu lốp xe và hợp kim nhôm để làm tường nhà, khung nhà được làm từ vật liệu thép phế thải được thu hồi từ những công trường xây dựng, sàn nhà được làm bằng mùn cưa, gỗ vụn và 20% chất polyethylene, mái nhà chủ yếu được làm từ những nguyên liệu báo cũ và bìa carton. Loại nhà ở này không những tích cực tận dụng kim loại vụn, vật liệu gỗ, giấy bìa..., mà còn giải quyết tình trạng thiếu nhà ở và bảo vệ môi trường.

Ở Pháp có một bộ phận chuyên làm nhiệm vụ thu gom rác thải xây dựng, công việc thu gom của họ được tiến hành như sau: trước hết thông qua việc nghiên cứu tính chất của những sản phẩm xây dựng mới đối với môi trường, tiếp đến họ tiến hành kiểm soát các phế thải được thải ra tại công trường, đánh giá và dự tính những phế thải được sản sinh trong quá trình thi công, tu sửa và giải phóng mặt bằng, để đảm bảo trình tự ứng dụng những sản phẩm tái chế, họ còn tăng cường phân cấp quản lý chất thải.

Ở Hà Lan, người ta coi việc tái chế rác thải xây dựng là việc làm rất quan trọng. Hiện nay,

khoảng 70% lượng rác thải xây dựng có thể đưa vào tái chế, họ đã lập ra một loạt các pháp quy có liên quan, hạn chế việc phá giá xử lý chất thải, tăng cường hệ thống kiểm soát chất lượng rác thải tái chế.

Xuất phát từ tư tưởng giảm phát thải khí cacbon, quan niệm của người Trung Quốc về tiết kiệm năng lượng cho nhà ở, công trình xanh, kiến trúc sinh thái, toà nhà thông minh, tạo ra một thành phố có lực cạnh tranh nhất, thành phố có sức hút nhất... đang ngày càng phát triển. Ngoài ra, Nhà nước cũng không ngừng tăng cường thiết lập hệ thống tiêu chuẩn xây dựng, nâng cao tiêu chuẩn xây dựng có đặc tính cacbon thấp, bắt buộc phải giảm lượng khí thải cacbon.

## 2. Kiến trúc sinh thái

Kiến trúc sinh thái có 3 đặc điểm cơ bản là mang đến cho con người một không gian sống thoải mái, có nhiệt độ, độ ẩm, không khí, âm thanh, ánh sáng phù hợp; giảm mức sử dụng đất, tiết kiệm năng lượng và vật liệu, có thể tái chế một số tài nguyên để thay thế cho những nguồn tài nguyên khác không tái tạo; không làm ảnh hưởng tới môi trường như là giảm phát thải cacbon, xử lý những phế thải có hại cho môi trường, giảm ô nhiễm ánh sáng, âm thanh và không khí.

Trước đây, khi nói tới kiến trúc sinh thái người ta chỉ biết quan tâm tới khí hậu và các phản ứng sinh học khác, nhưng đến nay, khi nói đến kiến trúc sinh thái, mọi người đều hiểu rằng chính là xây dựng một môi trường sinh thái công nghệ cao, có không gian sống thoải mái, tiện nghi mà thân thiện với môi trường, gần gũi thiên nhiên. Kiến trúc sinh thái chính là xây dựng một vòng sinh thái tuần hoàn lớn, từ góc độ sử dụng nguồn tài nguyên và nguồn năng lượng, xem xét tổng thể hệ thống sinh thái từ khâu tiêu thụ đến khâu sản sinh trong quá trình sử dụng, xây dựng và thiết kế, từ đó thay đổi phương thức từ sử dụng một chiều nguồn tài nguyên và năng lượng, nay phát triển theo xu hướng tuần hoàn,

đưa môi trường sống của người dân vào hệ thống tuần hoàn vô tận. Nhưng yêu cầu kiến trúc sinh thái ấy không chỉ phát huy tính năng trong chốc lát, mà phải phát huy tính năng trong suốt vòng đời sử dụng nó.

Công nghệ sinh thái là tận dụng nguyên lý sinh thái học, tiến hành xem xét vấn đề một cách tổng thể, chú ý tới tính tối ưu của toàn bộ hệ thống, sử dụng tổng hợp, giảm lãng phí và giảm tiêu hao tài nguyên và năng lượng, từ đó thúc đẩy môi trường sinh thái duy trì phát triển.

Con người, kiến trúc, môi trường luôn là những chủ đề vĩnh cửu trong xây dựng và phát triển. Đứng trước tình trạng suy thoái của môi trường toàn cầu, cần xem xét và đánh giá thực tế phát triển của đô thị và giá trị hệ thống của chúng. Thông qua “Công ước Rio de Janeiro” tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên hợp Quốc về môi trường và phát triển năm 1992 có thể thấy, công nghệ sinh thái đóng một vai trò khá quan trọng trong việc thúc đẩy phục hồi hệ sinh thái, giúp trái đất phát triển bền vững,

Kiến trúc sinh thái hay còn gọi là kiến trúc xanh, kiến trúc giảm khí thải cacbon, kiến trúc tiết kiệm năng lượng, nó là một hệ thống kỹ thuật toàn diện. Kiến trúc sinh thái là chỉ dựa trên môi trường tự nhiên của khu vực, vận dụng sinh thái học, nguyên lý của khoa học kỹ thuật xây dựng, sử dụng những phương pháp khoa học hiện đại, sắp xếp hợp lý đồng thời tổ chức xây dựng các hạng mục có liên quan, làm sao để giữa công trình và môi trường có sự kết hợp chặt chẽ và hài hoà.

Mặc dù việc xây dựng kiến trúc sinh thái chỉ mới bắt đầu, nhưng sự phát triển của nó lại có tác dụng làm thay đổi nhận thức và đặt nền móng tư tưởng về sự phát triển kiến trúc sinh thái cho xã hội hiện nay.

Năm 1972, Liên Hợp Quốc đã tổ chức hội nghị quốc tế về môi trường và con người, thông qua Hội nghị này các nước trên thế giới đã nhận thức ra rằng con người trong môi trường tự nhiên phải được đáp ứng cả về thời gian và

không gian để phát triển kinh tế và xã hội, đồng thời, dựa vào điều kiện tài nguyên thiên nhiên mà bố trí phong cách sống phù hợp. Xác định lại mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, lấy mục tiêu môi trường làm trung tâm để phát triển.

Cuối thế kỷ 20, các nước Tây Âu phát triển đã đưa ra mục tiêu “hiện đại hoá sinh thái”, Trung Quốc cũng đang cố gắng xây dựng thành phố xanh, thành phố sinh thái, điều này có thể thấy một sự chuyển biến rõ rệt, từ mô hình “lấy con người làm gốc” nay hướng tới “lấy môi trường làm trung tâm” để duy trì phát triển, tư tưởng của người dân cũng thay đổi và hưởng ứng sự phát triển của kiến trúc sinh thái.

Tư tưởng chung của xã hội là các nước trên thế giới đều phát triển kiến trúc sinh thái, đây là một sự kết hợp lợi ích trước mắt và lâu dài của toàn nhân loại, cùng chia sẻ công bằng và hợp lý nguồn tài nguyên có hạn trên trái đất. Trong “Công ước Rio de Janeiro” đã nêu rõ: “Các quốc gia cần hợp tác trong tinh thần chung lưng đấu cật toàn cầu để gìn giữ, bảo vệ và phục hồi sự lành mạnh và tính toàn bộ của hệ sinh thái của trái đất. Các nước phát triển công nhận trách nhiệm của họ trong sự mưu cầu quốc tế về sự phát triển lâu bền do những áp lực mà xã hội của họ gây ra cho môi trường toàn cầu và do những công nghệ và những nguồn tài chính họ chi phối, điều khiển”.

Hiện nay, tình hình phát triển kiến trúc sinh thái tại các nước chỉ trong giai đoạn bắt đầu. Các nước Tây Âu và Bắc Âu là những khu vực phát triển mạnh nhất. Những năm gần đây, ở Nhật Bản và Singapore mới bắt tay vào xây dựng kiến trúc sinh thái.

Năm 2008, thành phố Đại Liên - Trung Quốc đã áp dụng theo “Tiêu chuẩn xây dựng nhà ở thân thiện môi trường”, tổ chức thực hiện 5 dự án đầu tiên về nhà ở thân thiện môi trường, tổng diện tích xây dựng vào khoảng 1 triệu m<sup>2</sup>. Toàn thành phố đã xây dựng hơn 27 triệu m<sup>2</sup> các công trình tiết kiệm năng lượng, mỗi năm có thể



tiết kiệm được 280 nghìn tấn than, giảm phát thải 112,5 tấn cacbon đioxit và 50 nghìn tấn sunfua đioxit.

Hiện nay, các kiến trúc sư ở các nước đều đang chuyên tâm nghiên cứu phương pháp thiết kế và công nghệ xây dựng kiến trúc sinh thái. Từ thiết kế kiến trúc có thể thấy, trước hết phải để kiến trúc hoà nhập với thiên nhiên, giữa kiến trúc với môi trường phải liên kết với nhau thành một hệ thống tuần hoàn, khi đó kiến trúc sẽ trở thành một bộ phận trong hệ thống sinh thái và việc sử dụng nguồn tài nguyên sẽ đạt hiệu quả kinh tế cao hơn, thông qua công nghệ cao thực hiện tái chế năng lượng. Để thiên nhiên hoà mình vào kiến trúc, cần vận dụng các tri thức công nghệ cao, mở rộng phát triển sinh thái và môi trường tự nhiên nhân tạo, tái hiện tự nhiên, đưa cỏ cây, non nước vào trong kiến trúc.

Kiến trúc sinh thái đại diện cho phương hướng phát triển của thế kỷ 21. Để toàn cầu có thể phát triển bền vững, cần phải ứng dụng các công nghệ mới vào kiến trúc sinh thái, phát triển mục tiêu kiến trúc sinh thái ít phát thải cacbon, giúp cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống trên toàn thế giới. Đối với các nước đang phát triển, cần tăng cường nghiên cứu kiến trúc xanh ít phát thải cacbon, bởi nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với môi trường, nguồn năng lượng hạn chế và duy trì sự phát triển của toàn thế giới.

**Tiểu Ứng Lạc**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc  
số 23/2010*

**ND: Bích Ngọc**

## **Bộ Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Trung Quốc ký kết Biên bản hợp tác về nhà ở cho người thu nhập thấp**

Sáng ngày 22/4/2011 tại Hà Nội đã diễn ra Lễ Ký kết Biên bản hợp tác về nhà ở cho người thu nhập thấp giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Trung Quốc (CDB). Tham dự và chứng kiến Lễ ký, về phía Bộ Xây dựng Việt Nam có Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, lãnh đạo các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc Bộ Xây dựng; về phía Ngân hàng Phát triển Trung Quốc có ông Tưởng Siêu Lương - Tổng Giám đốc CDB, lãnh đạo các đơn vị thuộc CDB, nhóm công tác của CDB tại Việt Nam. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam và ông Bạch Ánh Phúc - Giám đốc chi nhánh CDB tỉnh Quảng Tây đã đại diện cho hai bên thực hiện ký kết.

Trong khuôn khổ Lễ ký kết Biên bản hợp tác, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã có buổi tiếp và làm việc với Tổng Giám đốc CDB Tưởng Siêu Lương. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã đánh giá cao năng lực tài chính cũng như thiện chí của CDB trong việc tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội của Việt Nam và mong muốn hai bên sẽ thúc đẩy mối quan hệ hợp tác, hướng nguồn tín dụng phong phú của CDB vào các dự án, chương trình rất có ý nghĩa của Việt Nam.

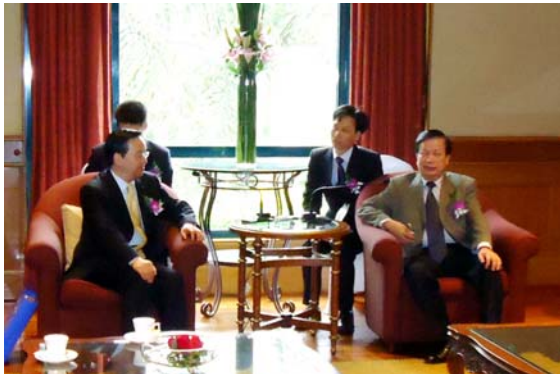
Thay mặt ngân hàng CDB Trung Quốc, Tổng Giám đốc Tưởng Siêu Lương bày tỏ sự vui mừng được hợp tác với Bộ Xây dựng Việt Nam, đồng thời khẳng định, CDB nhất định sẽ phát huy kinh nghiệm và cách làm của CDB tại Trung Quốc trong các dự án ở Việt Nam, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác với Bộ Xây dựng trong các dự án phát triển hạ tầng và an sinh xã hội. CDB là một trong 3 ngân hàng nhà nước lớn của Trung Quốc, là ngân hàng chủ chốt trong việc tài



*Toàn cảnh Lễ ký kết*

trợ cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở Trung Quốc và hải ngoại. Năm 2010 tổng tài sản của CDB ước tính khoảng 770 tỷ USD, dư nợ 4000 tỷ NDT, dư nợ ngoại tệ khoảng 143 tỷ USD. Đối với CDB, Việt Nam là một thị trường quan trọng và nhiều tiềm năng. Từ năm 2006, CDB đã cử nhóm công tác sang làm việc tại Việt Nam để tìm hiểu thị trường, đến nay, CDB đã cam kết tài trợ 1,47 tỷ USD cho các dự án ở Việt Nam, dư nợ tại Việt Nam hiện nay đạt trên 100 triệu USD và CDB đang theo dõi các dự án của Việt Nam với tổng giá trị 38 tỷ USD. Việc CDB ký Biên bản ghi nhớ tài trợ cho dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp với Bộ Xây dựng Việt Nam thể hiện mong muốn hợp tác của CDB với Việt Nam. Ông Tưởng Siêu Lương cũng khẳng định, CDB rất coi trọng các dự án cơ sở hạ tầng, các đối tác doanh nghiệp thuộc ngành Xây dựng do Bộ Xây dựng Việt Nam giới thiệu.

Chương trình nhà ở dành cho người thu nhập thấp là một trong ba thành phần chính của chương trình nhà ở xã hội mà Chính phủ Việt Nam rất quan tâm, thể hiện rõ trong Nghị quyết 18/NQ-CP của Chính phủ ngày 20/4/2009 về một số cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo,



*Tổng Giám đốc CDB Tưởng Siêu Lương (bên trái) tiếp kiến Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân*

nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp tập trung và nhà ở cho người thu nhập thấp tại đô thị; Quyết định 67/2009/QĐ-TTg ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị và gần

đây nhất là Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Luật Nhà ở.

Sau 2 tháng tiếp xúc, trao đổi và đàm phán về hợp tác trong việc cung cấp tín dụng cho phát triển xây dựng nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ngân hàng Phát triển Trung Quốc đã thống nhất và đi đến ký kết Biên bản Ghi nhớ hợp tác về nhà ở dành cho người thu nhập thấp. Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa hai bên sẽ là cơ sở để các doanh nghiệp ngành Xây dựng có thể tiếp cận được nguồn tín dụng số lượng lớn, đáng tin cậy của CDB, sử dụng cho các dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp trên cả nước.

**Minh Tuấn**

## **Báo cáo về thiết kế kỹ thuật nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài**

Ngày 20/4/2011 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng đã tổ chức cuộc họp nghe tư vấn JAC (Nhật Bản) và Tổng Công ty Cảng hàng không miền Bắc - đơn vị chủ đầu tư báo cáo về thiết kế kỹ thuật nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Tham dự cuộc họp có GS.TSKH Nguyễn Văn Liên - Phó Chủ tịch Hội đồng, đại diện Cục Giám định chất lượng các công trình xây dựng Bộ Xây dựng - đơn vị thường trực của Hội đồng, đại diện Bộ Giao thông vận tải, các chuyên gia của Hội đồng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng chủ trì cuộc họp.

Phát biểu tại cuộc họp, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cho biết, Hội đồng nghiệm thu Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao kiểm soát từ khâu thiết kế đối với một số công trình trọng điểm. Thời gian qua, các chuyên gia của Hội đồng đã tiến hành kiểm tra thiết kế kỹ thuật của một số dự án mà Thủ tướng giao. Trong thực tế



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng chủ trì cuộc họp*

kiểm tra đã phát hiện được một số vấn đề trong các dự án, từ đó kiến nghị chủ đầu tư rút kinh nghiệm, giúp các dự án đảm bảo được chất lượng tốt hơn ngay từ khâu thiết kế ban đầu. Dự án đầu tư xây dựng nhà ga hành khách T2 là dự án Thủ tướng Chính phủ giao Hội đồng nghiệm thu Nhà nước tổ chức nghiệm thu. Hội đồng nghiệm thu Nhà nước đã cử các chuyên gia thuộc các bộ môn liên quan như kiến trúc, kết

cấu, điều hòa không khí... kiểm tra thiết kế kỹ thuật của dự án.

Theo báo cáo của Tổng Công ty cảng hàng không miền Bắc - đơn vị chủ đầu tư, xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và lưu lượng vận tải hành khách tăng trong những năm gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép đầu tư xây dựng nhà ga mới T2. Dự án đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt năm 2009 và đến nay, được sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải, dự án đã và đang được triển khai tích cực.

Nhà ga T2 giai đoạn 1 có quy mô công suất 10 triệu lượt hành khách/năm, có khả năng mở rộng lên 15 triệu lượt hành khách/năm. Nhà ga có các công trình phụ trợ như cầu dẫn, đường dẫn, bãi đỗ xe, khu cung cấp xăng dầu... Tổng diện tích toàn bộ nhà ga là 139.000m<sup>2</sup>, nhà ga được xây dựng 4 tầng bằng bê tông cốt thép, giàn mái kết cấu thép khẩu độ 48m, móng cọc nhồi, chiều dài cọc từ 25-40m. Ngoài những thiết bị kỹ thuật thông thường (điện, nước, điều hòa không khí...) nhà ga còn được trang bị 17 hệ thống thiết bị chuyên ngành hàng không.

Về tiến độ thực hiện dự án, đến nay đã hoàn thành công tác thẩm tra thiết kế kỹ thuật, công tác giải phóng mặt bằng cơ bản đã xong và đang tiến hành san nền, xét thầu một số gói thầu chính. Vốn đầu tư của dự án bao gồm vốn

vay ODA 43.211 tỷ Yên Nhật và 3.047 tỷ đồng, vốn đối ứng trong nước là 3.087 tỷ đồng.

Trong quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư đã tiếp thu các ý kiến góp ý của các chuyên gia của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước và tiến hành một số điều chỉnh cần thiết, còn một số vấn đề như cơ sở pháp lý, khung tiêu chuẩn, tăng thêm lỗ khoan khảo sát, cửa thoát hiểm, tính toán khả năng chống gió lốc, chống động đất cho kết cấu mái... sẽ được bổ sung trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công.

Sau khi nghe báo cáo của chủ đầu tư dự án nhà ga T2, ý kiến các chuyên gia của Hội đồng, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã chỉ đạo các chuyên gia và bộ phận thường trực của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước tổng hợp các kiến nghị của chuyên gia, của Hội đồng bằng văn bản gửi chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư chỉ đạo tư vấn thiết kế giải trình việc tiếp thu, nhằm nâng cao chất lượng công trình, đảm bảo cho dự án đạt hiệu quả đầu tư. Đồng thời, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cũng lưu ý chủ đầu tư, ngoài việc phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn, đảm bảo công năng, còn cần phải suy nghĩ các giải pháp để tạo ra những nét tinh tế, mang bản sắc của Việt Nam cho công trình này.

**Minh Tuấn**

## **Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình giai đoạn 2010 - 2030**

Ngày 20/4/2011, tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị xem xét đối với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình giai đoạn 2010 - 2030. Tham dự cuộc họp có lãnh đạo thành phố Thái Bình, đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng và Công ty CP tư vấn thiết kế kiến trúc Việt Nam - đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch.

Thành phố Thái Bình là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thái Bình. Thực hiện quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình giai đoạn 2003-2020 (gọi tắt là Quy hoạch chung 2003), những năm qua thành phố Thái Bình đã có sự đột phá về phát triển kinh tế xã hội và không gian đô thị. Tuy nhiên, do Đồ án quy hoạch chung 2003 chỉ được lập trong phạm vi ranh giới đất đai hiện có của thành phố khi đó



là 4.320ha, gồm 8 phường và 5 xã và hiện nay thành phố Thái Bình đã được mở rộng địa giới hành chính lên 6.771ha, gồm 10 phường và 9 xã, do đó việc điều chỉnh quy hoạch chung là thực sự cần thiết.

Từ năm 2009, UBND tỉnh Thái Bình đã giao UBND thành phố Thái Bình lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Bình giai đoạn 2010-2030; Đồ án đã được Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Bình và Hội đồng nhân dân thành phố Thái Bình thông qua. Căn cứ quy định của Luật Quy hoạch đô thị, để có căn cứ phê duyệt, UBND tỉnh Thái Bình đã có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, thỏa thuận về Đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2030.

Theo báo cáo của đơn vị tư vấn lập đồ án, thực hiện quy hoạch chung 2003, thành phố Thái Bình đã xây dựng được một khu vực trung tâm khá hoàn chỉnh, phát triển về phía Tây dọc sông Trà Lý. Khu vực phía Nam thành phố đã xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường phía Nam, khép kín tuyến đường vành đai của thành phố, xung quanh con đường này đã có nhiều dự án phát triển, khu đô thị, khu kinh tế. Khu vực phía Bắc thành phố đã xây dựng khu văn hóa thể thao của thành phố.

Trong thời gian qua, tốc độ phát triển của thành phố cao hơn so với dự kiến của quy hoạch chung 2003. Hệ thống giao thông đối ngoại của thành phố có sự thay đổi, một số chương trình phát triển của tỉnh khai thác quy đất dọc bờ biển, dọc các tuyến đường đã hoàn thành, địa giới hành chính của thành phố được mở rộng lên 6.771ha, tầm nhìn trong quy hoạch vùng đã xác định phát triển thành phố Thái Bình là trọng điểm phát triển của tỉnh, có quy mô tương đương đô thị loại II, từ đó cho thấy cần phải điều chỉnh quy hoạch.

Mục tiêu của đồ án là quy hoạch xây dựng thành phố Thái Bình trở thành một trong những trọng điểm phát triển của vùng duyên hải Bắc bộ và vùng đồng bằng sông Hồng, xây dựng



*Toàn cảnh Hội nghị*

thành phố Thái Bình trở thành đô thị loại II vào năm 2020, làm cơ sở để triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, quản lý xây dựng theo quy hoạch, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển đô thị bền vững, đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài.

So với quy hoạch chung 2003, quy hoạch điều chỉnh của thành phố Thái Bình tuân thủ quy mô hiện nay là 6.771ha, bổ sung tính chất đô thị công nghiệp và dịch vụ, quy mô dân số dự báo là 30 vạn vào năm 2030, 50 vạn vào năm 2030. Về định hướng phát triển không gian, quy hoạch điều chỉnh theo mô hình phát triển đa cực (5 cực phát triển), giữ nguyên vị trí và quy mô hiện hữu của các trung tâm hành chính, trung tâm giáo dục- đào tạo, trung tâm y tế, văn hóa, thể dục - thể thao... Mở rộng thêm các trung tâm phục vụ công cộng tại các cực phát triển mới.

Theo quy hoạch điều chỉnh xác định tổng nhu cầu cấp nước của thành phố Thái Bình đến năm 2030 là 132.000m<sup>3</sup>/ngày,đêm, nhu cầu xử lý nước thải là 69.500m<sup>3</sup>/ngày,đêm. nhu cầu xử lý rác thải sinh hoạt là 753 tấn/ngày, nhu cầu về điện năng là 376MVA.

Phát biểu đóng góp ý kiến cho Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình, đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng đều thống nhất về sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch, tuy nhiên cũng đề nghị tư vấn phân tích sâu hơn về mối quan hệ và tác động của vùng đối với quy hoạch của thành phố Thái Bình. Với đặc điểm là đô thị đặc



trung của vùng đồng bằng Bắc bộ, cần làm rõ hướng phát triển của đô thị Thái Bình, về cơ cấu kinh tế, động lực phát triển, sắc thái đặc trưng đô thị, bổ sung các chỉ tiêu tính toán, giải pháp kỹ thuật, điều chỉnh mở rộng chỉ tiêu đất dự trữ, đất cây xanh...

Phát biểu kết luận hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã đánh giá đề án điều

chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Bình đến năm 2030 được chuẩn bị khá tốt, đề nghị tư vấn tiếp thu các ý kiến đóng góp, phối hợp với UBND thành phố Thái Bình khảo sát kỹ thực tiễn để hoàn chỉnh đề án đảm bảo chất lượng.

**Minh Tuấn**

## **Kết quả 2 năm thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

Mục tiêu của Quyết định này là cùng với việc thực hiện các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010, Nhà nước trực tiếp hỗ trợ các hộ nghèo để có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững. Trong thời gian từ 2009-2012, thực hiện hỗ trợ nhà ở cho trên 500.000 hộ nghèo có khó khăn về nhà ở đang cư trú tại khu vực nông thôn, đảm bảo cho khoảng 2,5 triệu người có nhà ở an toàn, ổn định.

Đây là chính sách có ý nghĩa tổng hợp về kinh tế, chính trị, xã hội và nhân văn sâu sắc, được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. Kết quả thực hiện chính sách sẽ góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời có tác động tích cực đến chương trình xây dựng nông thôn mới của Chính phủ. Quá trình triển khai thực hiện Chính sách đã được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương cũng như các cấp uỷ Đảng, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các địa phương. Sau 2 năm triển khai thực hiện, việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo đã đạt được nhiều kết quả tốt. Bộ Xây dựng tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả sau 2 năm triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Trong số 63 tỉnh, thành phố trên cả nước thì có 59 tỉnh, thành phố lập đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg. Còn lại 4 tỉnh, thành phố thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo tiêu chí và chuẩn nghèo riêng của địa phương hoặc không có đối tượng theo quy định tại Quyết định 167/2008/QĐ-TTg là thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương.

Tổng hợp số liệu báo cáo của các địa phương, có 512.425 hộ nghèo thuộc diện đối tượng hỗ trợ nhà ở theo quy định. Trong tổng số hộ nói trên có 226.934 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số (trong đó đồng bào dân tộc Khơ me tại khu vực Tây Nam Bộ là 23.693 hộ) và 75.452 hộ thuộc 62 huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, các địa phương đang tổ chức bình xét, phê duyệt danh sách đối tượng bổ sung theo quy định tại Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ (số đối tượng này ước khoảng 15.000 hộ).

Về kết quả thực hiện hỗ trợ nhà ở, năm 2009 các địa phương hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 126.876 hộ, đạt tỷ lệ 104% trên tổng số hộ theo kế hoạch năm là 126.411 hộ; Năm 2010, các địa phương hoàn thành hỗ trợ cho 187.069 hộ, đạt tỷ lệ 95% trên tổng số hộ theo kế hoạch năm là 197.308 hộ.

Tổng cộng từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Chính sách đến 31/01/2011, các địa phương đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 316.975 hộ (tương đương 1,5 triệu người đã có nhà ở an toàn, ổn định), đạt tỷ lệ 62% trên tổng số 512.425 hộ của toàn Chương trình trong 4 năm. Trong đó: hoàn thành hỗ trợ cho số hộ tại 62 huyện nghèo là 72.070/75.452 hộ, đạt 95,5%; hoàn thành hỗ trợ cho số hộ là đồng bào dân tộc Khơ-me tại các tỉnh Tây Nam Bộ là 21.462/23.693 hộ đạt 90,6%.

Đến nay, 9 tỉnh đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn theo Đề án được duyệt của các địa phương là: Ninh Bình, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Đắk Lắk và Đắk Nông. Những tỉnh đã thực hiện đạt trên 75% so với kế hoạch là: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Giang, Điện Biên, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Ngoài ra, một số tỉnh có số lượng hộ nghèo phải thực hiện hỗ trợ rất lớn những đã đạt được kết quả tốt là Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An và Trà Vinh.

Bên cạnh đó thì còn một số tỉnh/thành phố kết quả thực hiện còn thấp, đạt dưới 50% so với kế hoạch như: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Nam, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Quảng Trị, Kon Tum, Gia Lai, Tây Ninh, An Giang, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ và Kiên Giang. Đặc biệt một số tỉnh có kết quả đạt được rất thấp, đạt tỷ lệ dưới 20% so với kế hoạch như: Hưng Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngoài ra, Đồng Nai là tỉnh có số hộ phải hỗ trợ rất ít nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành.

Về kết quả huy động và giải ngân các nguồn vốn, theo báo cáo của các địa phương, đến nay các địa phương đã huy động được 8.275,6 tỷ đồng, đã giải ngân 6.080 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương 3.904,4 tỷ đồng, giải ngân 2.139,6 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương 464 tỷ đồng, giải ngân 447,9 tỷ đồng; vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân 2.182 tỷ đồng; vốn huy động khác 1.698,9 tỷ đồng, giải ngân 1.462,1 tỷ đồng.

Về chất lượng nhà ở, trong quá trình triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, ngoài vốn hỗ trợ của Nhà nước và vốn vay theo quy định thì các địa phương đã hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương và huy động vốn từ cộng đồng và sự tham gia, đóng góp của hộ gia đình. Vì vậy, hầu hết các căn nhà đều vượt diện tích và chất lượng quy định. Diện tích căn nhà đa số từ 28- 40m<sup>2</sup>. Nhiều căn nhà có diện tích 50-60 m<sup>2</sup>. Các căn nhà được xây dựng bằng vật liệu có chất lượng tốt: khung nhà bằng bê tông cốt thép hoặc bằng gỗ, tường nhà xây gạch; mái lợp ngói, fibrô xi măng hoặc tôn; nền nhà lát gạch hoặc láng vữa xi măng. Tất cả các căn nhà đều có bao che kín đáo, chắc chắn, đầy đủ cửa đi, cửa sổ. Kiểu dáng, kiến trúc nhà ở phù hợp với phong tục tập quán của địa phương. Giá thành căn nhà đa số trong khoảng từ 20 - 25 triệu đồng. Nhiều căn nhà có giá thành tới 50-60 triệu đồng.

Sau hai năm triển khai thực hiện, bước đầu có một số nhận xét, đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện, đồng thời rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

*Về ưu điểm:*

- Có sự đổi mới trong việc nghiên cứu, xây dựng Chính sách, quy định cách làm khác so với các chính sách hỗ trợ trước đây, do đó đã phát huy được sự chủ động của người dân trong việc tham gia xây dựng nhà ở cho chính mình.

- Chính sách có tính xã hội hoá rất cao. Quá trình thực hiện có sự tham gia của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương tới địa phương, đồng thời có sự tham gia của cộng đồng và người dân. Chính sách quy định nguyên tắc thực hiện: “Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, người dân tham gia đóng góp xây dựng nhà ở”, do đó trong quá trình triển khai thực hiện thì ngoài sự hỗ trợ của Nhà nước, các địa phương đã huy động được sự tham gia ủng hộ, giúp đỡ có hiệu quả của toàn xã hội, đặc biệt là người dân đã tham gia xây dựng nhà ở cho chính mình.

- Quá trình triển khai thực hiện được sự chỉ

đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là trong việc bố trí kịp thời các nguồn vốn theo quy định để thực hiện.

- Các Bộ, ngành liên quan đã phối hợp chặt chẽ trong việc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện; phối hợp giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các địa phương hoặc trình Thủ tướng Chính phủ giải quyết đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện.

- Đã phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong việc vận động cộng đồng giúp đỡ hộ nghèo cải thiện nhà ở nên đã huy động được sự ủng hộ có hiệu quả của cộng đồng về kinh phí cũng như ngày công lao động giúp hộ nghèo xây dựng nhà ở;

- Hầu hết các tỉnh, thành phố đã quan tâm, tập trung chỉ đạo xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, đồng thời huy động thêm các nguồn lực, trong đó có nguồn vốn từ Ngân sách địa phương để hỗ trợ cho hộ nghèo.

- Quá trình thực hiện Chính sách đã được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và trở thành phong trào sôi nổi, rộng rãi tại các địa phương. Những kết quả đạt được đã mang lại hiệu quả rõ rệt: nhờ có nhà ở an toàn, ổn định nên các hộ nghèo đã yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế, có điều kiện để vươn lên thoát nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, đồng thời góp phần thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới của Chính phủ. Ngoài ra, thông qua việc triển khai thực hiện Chính sách đã khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái, đùm bọc người nghèo, giúp đỡ người có công, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng tình cảm gắn bó, đoàn kết anh em, dòng họ, "tình làng, nghĩa xóm" trong cộng đồng dân cư và tình đoàn kết quân-dân. Việc vận động, hướng dẫn người nghèo tích cực tham gia cùng Nhà nước và cộng đồng trong việc xây dựng nhà ở còn tạo cho họ có sự chủ động, tự tin để vươn

lên thoát nghèo và từng bước trở nên khá giả.

Nhìn chung, chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Chính sách đã được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

*Về một số hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện của các địa phương:*

Bên cạnh những ưu điểm trên thì trong quá trình thực hiện cũng còn một số hạn chế, tồn tại như sau:

- Một số địa phương chưa có sự quan tâm đúng mức đến việc triển khai thực hiện, do đó tại các địa phương này kết quả thực hiện còn hạn chế, chưa đảm bảo yêu cầu;

- Công tác phối hợp trong triển khai thực hiện giữa các sở, ban, ngành liên quan cũng như việc phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương với các cấp huyện, xã tại một số tỉnh chưa chặt chẽ, dẫn đến công việc triển khai còn lúng túng, thiếu thống nhất;

- Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện tại một số ít địa phương chưa được thường xuyên. Có địa phương chưa tổ chức tốt việc hướng dẫn, giúp đỡ các hộ nghèo tự xây dựng nhà ở mà còn thuê doanh nghiệp xây dựng, do vậy không huy động được sự đóng góp của người dân cũng như sự ủng hộ, giúp đỡ của anh em, dòng họ.

- Mặc dù trong năm 2010, các địa phương được bố trí sớm vốn ngân sách Trung ương để thực hiện theo kế hoạch, tuy nhiên việc thực hiện cho vay theo quy định còn chậm, không đảm bảo đồng bộ với việc cấp vốn từ Ngân sách, vì vậy các địa phương gặp khó khăn trong triển khai thực hiện;

- Việc hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương cho các hộ nghèo còn hạn chế, nhất là đối với các tỉnh nghèo. Nhiều địa phương còn gặp khó khăn trong việc huy động vốn từ các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng. Một số doanh nghiệp cam kết hỗ trợ nhưng việc giải ngân, chuyển vốn cho các tỉnh chưa kịp thời;

- Một số hộ chưa có đất làm nhà; những ảnh

hưởng bởi yếu tố tâm linh, tín ngưỡng trong nhân dân (như năm làm nhà phải phù hợp với tuổi của chủ hộ) cũng làm chậm tiến độ thực hiện;

- Một số địa phương có địa bàn rộng, số hộ nghèo nhiều, đa số cư trú ở vùng sâu, vùng xa; một số hộ sống du canh, du cư nên cũng gây nhiều khó khăn cho việc thực hiện hỗ trợ.

Một số bài học kinh nghiệm sau hai năm triển khai thực hiện như sau:

- Địa phương nào có sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của cấp uỷ Đảng, và chính quyền thì địa phương đó đạt được kết quả tốt;

- Ngoài sự hỗ trợ của Nhà nước và sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng thì việc phát huy sự chủ động tham gia của người dân trong việc xây dựng nhà ở cho chính mình có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả Chính sách;

- Công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng xã hội, các tổ chức quần chúng tham gia cùng chính quyền có tác dụng to lớn trong việc hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo;

- Sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành; sự phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc huy động sự ủng hộ của cộng đồng cũng như trong việc tham gia giám sát thực hiện đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc triển khai thực hiện;

- Việc bình xét các đối tượng được hỗ trợ công khai, minh bạch, ưu tiên các hộ gia đình chính sách, người có công với cách mạng đã tạo được lòng tin của nhân dân.

**Minh Tâm**

*Theo Báo cáo Sơ kết 2 năm triển khai thực hiện Quyết định 167/2008/QĐ-TTg*

## **Bàn về việc tăng cường công tác quản lý tài chính, tài vụ trong lĩnh vực xây dựng cơ bản của Trung Quốc**

Dự án do Chính phủ đầu tư là khái niệm mới xuất hiện trong mở cửa cải cách nước ta, là dự án đầu tư tài sản cố định do chính phủ bỏ vốn hoặc hùn vốn thông qua các phương thức như đầu tư tài chính, phát hành trái phiếu chính phủ hoặc trái phiếu địa phương, sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của chính phủ nước ngoài và vốn vay các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Vì các dự án do Chính phủ đầu tư sử dụng vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước, nên nó có những điểm khác so với dự án đầu tư thông thường.

Tùy theo các phương thức khác nhau, các dự án do Chính phủ đầu tư có thể được phân ra thành: Dự án đầu tư tài chính; Dự án đầu tư sử dụng vốn trái phiếu; Dự án xây dựng sử dụng vốn vay của ngân hàng; Dự án xây dựng bằng nguồn vốn viện trợ quốc tế. Làm tốt công tác quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả đầu tư trong xây dựng cơ bản là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan

quản lý tài chính. Tăng cường quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản có tác dụng thúc đẩy tích cực trong quản lý và điều tiết nguồn vốn xây dựng cơ bản của Nhà nước.

### **1. Những vấn đề chủ yếu tồn tại trong công tác quản lý tài chính, tài vụ xây dựng cơ bản**

Theo tình hình hiện nay, công tác quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản tồn tại 4 vấn đề chủ yếu sau:

- Bố trí bộ máy không hợp lý. Đối với đa phần các công ty đầu tư, bộ phận quản lý hành chính xây dựng chính là đơn vị xây dựng đầu tư dự án, đảm nhận trực tiếp các khâu khảo sát, thiết kế, đấu thầu, thi công... Trình tự quyết sách dự án đầu tư của Chính phủ đơn giản, nếu thiếu các cơ chế ràng buộc đầu tư, sẽ có thể gây ra tình trạng vừa khảo sát, vừa thiết kế, vừa thi công, và dẫn đến quyết toán vượt dự toán.

- Công tác quyết toán hoàn thành dự án xây dựng chậm trễ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới

công tác bàn giao và đánh giá hiệu quả dự án, công tác quản lý tài vụ của đơn vị xây dựng tương đối yếu.

- Thiếu vốn xây dựng dự án.

- Công tác giám sát, quản lý tài chính tài vụ trong xây dựng cơ bản kém hiệu quả.

## **2. Tăng cường tính khách quan trong quản lý tài chính, tài vụ xây dựng cơ bản**

Tăng cường giám sát, quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản là tăng cường sự điều tiết vĩ mô của chính phủ, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản, tăng cường hệ thống giám sát tài chính, tài vụ là bảo đảm hữu hiệu cho việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển liên tục, cân đối và lành mạnh.

Yêu cầu về tiếp tục tăng cường giám sát tài chính, tài vụ: Nền kinh tế càng phát triển, công tác giám sát quản lý tài chính, tài vụ càng trở nên quan trọng. Tiếp tục tăng cường giám sát, quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản không những là nhu cầu phát huy tối đa vai trò của tài chính, mà còn là nhu cầu chuẩn hóa công tác quản lý thị trường xây dựng.

Yêu cầu về tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư: Ngành tài chính cần tăng cường công tác giám sát, quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản, việc này có ý nghĩa quan trọng nhằm đẩy mạnh xây dựng kinh tế, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản.

Yêu cầu tiếp tục tăng cường tính minh bạch trong xây dựng: Tăng cường công tác giám sát, quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản nhằm nâng cao mức độ minh bạch trong quản lý tài chính, tài vụ ở đơn vị xây dựng, thúc đẩy công tác xây dựng cơ bản phát triển lành mạnh.

## **3. Một số kiến nghị về tăng cường quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản**

Hoàn thiện và chuẩn hóa chế độ và quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài vụ trong xây dựng cơ bản là điều kiện quan trọng trong quản lý tài chính, tài vụ xây dựng cơ bản. Lấy công tác nâng cao hiệu quả đầu tư làm trọng tâm, lấy quản lý vốn đầu tư của Chính phủ làm trọng điểm, đi sâu cải cách thể chế đầu tư,

từng bước thiết lập hệ thống quản lý đầu tư, trong đó quản lý dự toán chi trong xây dựng cơ bản, quản lý dự án đầu tư và giám sát quản lý hiệu quả đầu tư là nội dung quan trọng. Vì vậy, cần nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện ba chế độ: chế độ lập dự toán chi tiêu xây dựng cơ bản; chế độ thẩm tra phê duyệt báo cáo tài chính và thẩm tra dự toán, quyết toán dự án đầu tư; chế độ phân tích báo cáo hiệu quả đầu tư, gọi chung là chế độ quản lý tài chính, tài vụ và thẩm tra dự án đầu tư của Chính phủ. Khi thực hiện ba chế độ này, phải xác định rõ những nội dung chủ yếu và biện pháp cụ thể của công tác quản lý dự án xây dựng cơ bản, làm tốt công tác lập dự toán vốn xây dựng cơ bản, thẩm tra dự toán và quyết toán công trình, giải ngân vốn đầu tư, thẩm tra phê duyệt quyết toán tài vụ hoàn thành dự án và phân tích đánh giá hiệu quả đầu tư, giải quyết triệt để các vấn đề như đầu tư mù quáng, xây dựng trùng lặp, sử dụng vốn kém hiệu quả, lãng phí trong xây dựng cơ bản, từng bước thực hiện giám sát quản lý toàn quá trình, toàn phạm vi sử dụng tiền vốn đầu tư, đưa công tác quản lý các dự án đầu tư của Chính phủ đi vào nền nếp mà trọng tâm là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Tăng cường quản lý vốn dự án và xây dựng đội ngũ quản lý tài chính trong xây dựng cơ bản. Ngành tài chính các cấp cần làm tốt công tác quản lý tài chính, tài vụ xây dựng cơ bản, đồng thời cần coi việc nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý tài chính xây dựng cơ bản là công tác quan trọng. Cần phải tăng cường quản lý tiền vốn của các dự án do Chính phủ đầu tư. Quản lý chặt chẽ ngay từ những khâu đầu trong trình tự xây dựng cơ bản, tăng cường quản lý tiền vốn xây dựng, đó là điều mấu chốt nhằm kiểm soát giá thành đầu tư xây dựng công trình, phát huy chức năng quản lý tài chính tài vụ trong xây dựng cơ bản, nâng cao tính khoa học và tính hợp lý của các hạng mục dự án. Dù vốn đầu tư có nguồn gốc ngân sách nhà nước hay vốn tự có, đều phải đưa vào phạm vi quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chịu sự quản lý,



giám sát của ngành tài chính cùng cấp. Khi sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, phải triệt để tuân thủ nguyên tắc cấp vốn theo tiến độ xây dựng; cấp vốn theo kế hoạch chi cho xây dựng cơ bản (bao gồm kế hoạch đầu tư dự án xây dựng cơ bản và kế hoạch vốn cho xây dựng cơ bản hàng năm của Ngành cải cách phát triển Nhà nước); cấp vốn theo trình tự quản lý xây dựng cơ bản; cấp vốn theo tỷ lệ tiền vốn của các kênh huy động. Nâng cao hiệu quả sử dụng tiền vốn xây dựng, cần phải tiến hành giám sát quản lý nghiêm ngặt sau khi cấp vốn ngân sách, kiểm tra xem có sử dụng đúng mục đích hay không, có đồng bộ với tiến độ công trình và kế hoạch cấp vốn hay không.

- Nghiêm chỉnh chấp hành trình tự xây dựng cơ bản, nắm chắc các khâu lập dự án, xây dựng, quyết toán hoàn thành công trình, đánh giá hiệu quả: Dù là vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước hay là vốn tự có của đơn vị xây dựng, ngành tài chính đều cần phải tham gia phân tích và đánh giá tính khả thi về kỹ thuật, về kinh tế của dự án, bảo đảm tính đúng đắn, tính khoa học của các hạng mục dự án, mức độ phù hợp về quy mô, tính đồng bộ về kinh tế và môi trường sinh thái;

- Quản lý chặt chẽ chi phí thực hiện, tiến độ, chất lượng của dự án đầu tư xây dựng, làm tốt công tác quản lý hợp đồng xây dựng, làm tốt việc nghiệm thu, quyết toán hoàn thành dự án;

- Quản lý chặt chẽ các dự án đang triển khai. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các dự án xây dựng, kiểm tra tiến độ thi công của dự án có đúng với tiến độ cấp vốn hay không, có thi công theo bản vẽ thi công hay không, có ăn bớt

nguyên vật liệu hay không, có sử dụng nguyên vật liệu giả kém chất lượng hay không. Phải xây dựng chế độ thông tin hai chiều, cần cử nhân viên chuyên trách chịu trách nhiệm xử lý đối với các dự án trọng điểm và dự án đầu tư tài chính, đảm bảo chất lượng và tiến độ xây dựng dự án;

- Quản lý chặt khâu quyết toán hoàn thành dự án xây dựng. Sau khi hoàn thành công trình xây dựng, ngành tài chính, tổ chức kiểm toán độc lập và đơn vị xây dựng cùng thẩm tra. Trên cơ sở dự toán ban đầu, đánh giá tình hình hoàn thành đầu tư và bàn giao sử dụng tài sản của dự án xây dựng, thẩm tra chi phí xây dựng, các khoản đã chi, tiền vốn còn dư sau khi quyết toán..., phân tích toàn diện hiệu quả đầu tư, phối với các ngành quản lý tài sản nhà nước làm tốt việc thẩm tra công tác bàn giao tài sản nhà nước;

- Làm tốt việc đánh giá hiệu quả dự án đã hoàn thành. Cần thiết lập bộ phận quan hệ cộng chúng hoặc cử nhân viên chuyên trách phụ trách việc liên hệ với các cơ quan truyền thông hoặc trực tiếp đối thoại với công chúng, trực tiếp hoặc gián tiếp tuyên truyền với xã hội về ý nghĩa của dự án đầu tư, tiến độ thi công, chất lượng thi công, tình hình cải thiện chất lượng sinh hoạt của nhân dân của sau khi hoàn thành dự án. Tranh thủ sự ủng hộ của dư luận, tự giác chịu sự giám sát của quần chúng và xã hội, đó là sự bảo đảm quan trọng để dự án do chính phủ đầu tư được hoàn thành thuận lợi.

**Ân Trung Hoa**

*Nguồn Tạp chí "Xây dựng" TQ, số 2/2011*

**ND: Hoàng Thế Vinh**

## **Các nhà ga trung chuyển giao thông ở Nhật Bản**

Công cuộc cải tạo đồng bộ hạ tầng giao thông đã được triển khai thực hiện tại Nhật Bản trong 30 năm qua đang cho thấy những kết quả rõ ràng. Sự phát triển giao thông công cộng của hạ tầng giao thông đã đạt được sự tích hợp trong nó các hệ thống giao thông liên vùng, nội

vùng và đô thị với nhau. Một hệ thống được tích hợp tốt là đặc tính được cần có đối với các nút giao cắt của các luồng hành khách hay còn gọi là các ga TCGT (sau đây viết là ga TCGT). Ngoài ra, ga TCGT còn là yếu tố quan trọng nhất đối với cơ cấu quy hoạch đô thị bởi vì tại

đó có bố trí các công trình quan trọng như hành chính - thương mại và dịch vụ - xã hội.

Nhật Bản rất quan tâm việc phát triển các ga TCGT. Với mục tiêu bảo đảm sự hoạt động ổn định của hệ thống các ga TCGT, việc giám sát thường xuyên đối với tình trạng và lượng hành khách lưu thông của luồng hành khách tại các ga TCGT chính của đất nước luôn luôn được bảo đảm.

Mỗi quan tâm hàng đầu khi lập các đồ án lớn xây dựng đô thị là phát triển các ga TCGT. Cách tiếp cận trên được sử dụng làm cơ sở và được triển khai trong hầu hết các đồ án lớn thiết kế xây dựng đô thị.

Một ví dụ điển hình là giải pháp quy hoạch cho một trong các quận trung tâm của Tôkyô là Marunauchi. Quận nằm ngay tại trung tâm thủ đô cách không xa cung điện hoàng gia. Trên diện tích 120 ha bố trí chủ yếu các toà nhà văn phòng với tổng diện tích sử dụng lên đến 2,4 triệu m<sup>2</sup>. Trong tương lai gần (đến năm 2013) tại đây sẽ bố trí thêm khoảng 0,5 triệu m<sup>2</sup> nhà văn phòng nữa.

Cơ sở phục vụ giao thông cho quận bao gồm 4 ga TCGT mà một trong số đó là ga Ga Tôkyô. Đây là nơi giao cắt của các loại phương tiện giao thông như giao thông đô thị (phương tiện giao thông cao tốc khác mặt bằng với đường phố, phương tiện giao thông công cộng trên mặt đất), giao thông của vùng (đường sắt chạy điện ngoại ô) và phương tiện giao thông đối ngoại (hệ thống tàu cao tốc Shinkansen), bảo đảm cho các công trình bố trí trong ga TCGT có khả năng kết nối đến tất cả các vùng lãnh thổ của Nhật Bản. Các ga TCGT ở Tôkyô được chia ra 3 loại sau:

- Ga có ý nghĩa liên vùng trong đó diễn ra sự tương tác giữa tất cả các loại hình giao thông đối ngoại, vùng và đô thị;
- Ga có ý nghĩa vùng;
- Ga có ý nghĩa cục bộ;

Ví dụ điển hình cho ga TCGT liên vùng là ga "Shirakawa". Tại đây có sự giao cắt của các loại



*Ga trung chuyển giao thông Shinagawa nhìn từ bên ngoài*

phương tiện giao thông sau:

- Tàu cao tốc Shinkansen - tuyến đường "Tokaido" đi về phía Tây đất nước (giao thông liên vùng);
- 4 tuyến đường sắt tốc hành và thông thường (giao thông liên vùng);
- 2 tuyến đường tàu điện ngầm (giao thông đô thị) trong đó một tuyến thuộc hệ thống tàu điện ngầm Tôkyô, tuyến thứ hai thuộc hệ thống đường ngầm. Nhờ việc tổ chức hành trình theo tuyến đối với các tuyến đường tàu điện ngầm nên trên thực tế tại ga TCGT này có đến 10 tuyến đường giao thông cao tốc khác mặt bằng với đường phố đi qua. Ngoài ra còn giao thông công cộng như xe buýt và tắc xi.

Tại ga TCGT "Shinagawa" về phía Tây có trung tâm đa chức năng. Trung tâm là một trong các tiêu điểm của hệ thống các trung tâm của thủ đô Nhật Bản.

Theo các tác giả của dự án ga TCGT Shinagawa diện tích bố trí ga là 5,3 ha, diện tích xây dựng khoảng 584.000 m<sup>2</sup> (có nghĩa là mật độ xây dựng chung của ga là khoảng 110.000 m<sup>2</sup>/ha); tổng số người làm việc tại các công trình thuộc lĩnh vực thương mại và hành chính đạt gần 16.700 người, cư dân - 1.700 người. Ga TCGT đạt được sự thống nhất về quy hoạch nhờ sự bố trí một sân ga trên cao. Công trình này bảo đảm sự kết nối giữa các phần phía Đông và Tây của ga với nhau thông qua đường đi bộ và dẫn đến các bộ phận cơ bản của hạ

tầng giao thông của ga TCGT. Trên sân ga có bố trí:

- Các nhóm lối đi dẫn vào từng hệ thống giao thông chuyên chở hành khách nêu trên;
- Các quầy bán vé;
- Các phòng chờ;
- Các công trình phục vụ hành khách như các cửa hàng bán lẻ nhỏ, hiệu cà phê, quầy giải đáp thông tin;

Về phía Tây của ga có một sân ga dẫn đến khu vực dạo chơi. Khu dạo chơi này là một đường đi bộ trên cao kết nối các công trình bố trí dọc tuyến đường này thành một tổ hợp thống nhất.

Tại phía Đông của nhà ga dọc theo quảng trường bên ngoài nhà ga có bố trí các điểm đỗ cho phương tiện giao thông công cộng chở khách và chỗ đỗ cho xe tắc xi. Các điểm đỗ xe tắc xi tại phía Tây nhà ga được bố trí tại một khu vực riêng liền kề với mạng lưới đường phố.

Các điểm đỗ phương tiện giao thông cá nhân bên trong nhà ga được bố trí như một thành phần của tổ hợp đa chức năng. Ngoài ra, với chính sách đang được thực thi tại Nhật Bản nhằm mục tiêu giảm sử dụng phương tiện giao thông cá nhân trong các hoạt động giải quyết công việc khiến các công trình đỗ xe không còn là yếu tố quan trọng của nhà ga. Việc đi đến các chỗ đỗ xe được thực hiện từ mạng lưới đường phố liền kề.

Việc cung cấp thông tin cho hành khách được thực hiện bằng hệ thống thống nhất của các bảng hiệu điện tử, các văn phòng thông tin và các trạm thông tin.

Ga TCGT rất quan tâm vấn đề bảo đảm an toàn cho hành khách và nhân viên. An toàn được đảm bảo thông qua:

- Sự tuần tra của cảnh sát;
  - Hệ thống các camera giám sát đối với tất cả các bộ phận của ga;
  - Các phương tiện đặc chủng (cảm biến an toàn nổ, phát hiện khói và các thiết bị khác);
- Có thể nói giải pháp quy hoạch của ga được



*Bên trong nhà ga trung chuyển giao thông Shinagawa*

thực hiện dưới dạng một tổ hợp đồng bộ với một tầng phân phối duy nhất được bố trí trên mặt đất hoặc trong không gian ngầm, là giải pháp quy hoạch cơ bản cho các ga TCGT lớn thuộc nhiều kiểu loại khác nhau ở Nhật Bản.

Kiểu ga TCGT thứ hai (ga có ý nghĩa cấp vùng) ít được quan tâm hơn xét về tổ chức không gian chức năng - mặt bằng. Ga TCGT kiểu này phần lớn được quy hoạch tương tự các ga TCGT loại lớn trong hệ thống đường tàu điện ngầm ở Matxcova (như ga “Borovitskaya” – “Biblioteka imeni Lenina” – “Arbatskaya” – Aleksandrovskiy Sad”; ga “Teatralnaya” – “Ploshad Revolyutsyi” – “Okhotnui ryad” và các ga khác), mà là một hệ thống của các ga chuyển đổi phương tiện giao thông phức tạp bảo đảm kết nối các ga đi các hướng khác nhau với nhau.

Kiểu ga thứ ba (ga có ý nghĩa cục bộ) rất có ý nghĩa xét về đặc tính thu nhỏ của việc tổ chức không gian quy hoạch mà đạt được nhờ áp dụng giải pháp nhiều tầng cấp. Ví dụ điển hình cho kiểu ga này là ga TCGT “Odaibo” trong hệ thống tàu một ray ở Tôkyô.

Ga được xây dựng trên khu đất đắp trong vịnh Tôkyô tại khu vực “Odaibo”. Tại khu vực có các đường đi bộ dẫn vào ga được bố trí một số tổ hợp thương mại lớn, khách sạn, nhà hành chính - văn phòng, nhà ở. Ngoài ra, ngay bên cạnh ga còn có khu nghỉ dưỡng mà đã trở nên rất quen thuộc đối với người dân Tôkyô vào

những ngày ảm áp của năm.

Tàu một ray ở Tôkyô hiện nay là hệ thống giao thông cao tốc đô thị trên cao hoạt động rất hiệu quả bảo đảm sự kết nối giao thông các khu vực ngoại vi với hệ thống tàu điện ngầm đô thị và đường sắt. Cơ cấu của ga TCGT "Odaibo" được chia ra 3 tầng:

- Tầng dưới cùng (tầng thứ nhất) dành cho phương tiện giao thông đô thị (phương tiện cá nhân, vận chuyển hàng hoá và phương tiện công cộng chuyên chở hành khách);

- Tầng giữa (tầng thứ hai) phục vụ giao thông đi bộ trong ga;

- Tầng trên cùng (tầng thứ ba) được bố trí đường tàu một ray;

Trong số các bộ phận cấu tạo cơ bản của kết cấu hạ tầng của ga còn có:

- Nhà ga tàu một ray;

- Phương tiện chuyên chở hành khách công cộng đô thị trên mặt đất là xe buýt;

- Chỗ để xe;

Thuộc bộ phận cơ sở quy hoạch của ga TCGT (kể cả đối với ga TCGT có ý nghĩa liên vùng) còn có sân ga đi bộ bảo đảm sự kết nối bằng đường đi bộ các khu vực nằm đối diện nhau với nhau trong ga. Sân ga đi bộ bảo đảm:

- Lối đi vào và lối đi ra đối với ga của tàu một ray trên tầng trên cùng;

- Đường dẫn xuống tầng giao thông hoạt

động ban ngày (tầng dưới cùng) dẫn ra các điểm đỗ của phương tiện giao thông công cộng chuyên chở hành khách;

- Đường kết nối khu vực các công trình nghỉ dưỡng - thương mại với khu vực các tổ hợp hành chính - thương mại, nhà ở và khách sạn;

- Các công trình thương mại bán lẻ quy mô nhỏ phục vụ hành khách;

Sự kết nối bằng đường đi bộ với chỗ đỗ xe của thành phố được thực hiện thông qua tầng trên mặt đất. Có thể nói mặc dù kích thước nhỏ gọn thế nhưng ga vẫn được trang bị đầy đủ tổ hợp các công trình giúp bảo đảm việc sử dụng ga một cách thuận lợi cho tất cả các nhóm đối tượng hành khách. Tại đây còn có nhà vệ sinh, phòng giữ đồ đạc. Ngoài ra ga còn được xây dựng theo khái niệm "không gian không rào cản" giúp các hành khách bị hạn chế về khả năng đi lại có thể di chuyển dễ dàng. Có thể nói hệ thống ga TCGT Nhật Bản rất đáng được tập trung nghiên cứu còn các nguyên tắc hình thành hệ thống ga thì hiện nay đã và đang được áp dụng rộng rãi trong thực tiễn quy hoạch và thiết kế xây dựng đô thị ở LB Nga.

**Denis Nikolaevich Vlasov**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng  
Matxcova, số 2/2010*

***Dịch và biên tập: Huỳnh Phước***



## LỄ RA MẮT TẠP CHÍ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2011



Chủ tịch Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam Trần Văn Huynh phát biểu tại buổi Lễ



Chủ tịch Hội VLXDVN Trần Văn Huynh và Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng Lê Văn Tới tặng hoa Ban Biên tập Tạp chí Vật liệu xây dựng tại Lễ ra mắt